

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 04/2025)

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

6. Xác định ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu gỗ sấy theo TCVN 14118:2024
7. Truy xuất nguồn gốc hàng hóa “tiền đề” tạo dựng một “hệ sinh thái minh bạch”
8. Xác định hiệu lực xen tóc gỗ khô Strongmantium Longicorne Newman theo Tiêu chuẩn
9. Hiện đại hóa quy trình sản xuất giúp doanh nghiệp hạ giá thành, tăng năng suất lao động
10. Doanh nghiệp cần lưu ý gì khi QCVN 25:2025/BKHCN có hiệu lực
12. Doanh nghiệp thép bức phá chất lượng nhờ công cụ nâng cao năng suất
13. ASTM D8444 – Bước tiến mới trong xây dựng hạ tầng bền vững
14. Năng suất chất lượng – Chìa khóa sống còn của doanh nghiệp trong cạnh tranh hiện đại
15. Những thay đổi chính trong ISO 9001:2026
16. Đến những cây kem cũng cần phải đảm bảo bằng tiêu chuẩn
18. Singapore công bố Tiêu chuẩn Quốc gia về chất khử trùng kháng khuẩn
19. Đề xuất tiêu chuẩn đối với cỏ nhân tạo trong các khu vui chơi
20. Loại bỏ ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất rau quả tươi theo TCVN 9994:2024
21. Đáp ứng yêu cầu về Tiêu chuẩn hóa xanh tạo thuận lợi xuất khẩu hàng hóa cho doanh nghiệp
22. Xây dựng tiêu chuẩn dựa trên căn cứ nào?
23. Tiêu chuẩn mới đánh giá khả năng chống thấm máu của khẩu trang y tế
24. Tiêu chuẩn hóa – Nền tảng phát triển giao thông thông minh
25. ASTM công bố Tiêu chuẩn mới hỗ trợ quản lý nước mưa chảy tràn

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

27. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 04/2025



❖ **BỘ CÔNG AN****Kiểm định môi trường về khí thải công nghiệp phải tuân thủ đúng quy trình**

Bộ Công an ban hành Thông tư số 27/2025/TT-BCA ngày 14/4/2025 quy định kiểm định môi trường về khí thải công nghiệp của lực lượng Công an nhân dân. Theo đó, việc kiểm định khí thải công nghiệp phải bảo đảm kịp thời, chính xác, khách quan, đúng quy trình và tuân thủ theo quy định của pháp luật.



Việc kiểm định khí thải công nghiệp phải bảo đảm kịp thời, chính xác, khách quan, đúng quy trình và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Thông tư này quy định kiểm định môi trường về khí thải công nghiệp, bao gồm các hoạt động sau: Thu mẫu khí thải công nghiệp, đo khí thải công nghiệp tại hiện trường, phân tích mẫu khí thải công nghiệp của lực lượng Công an nhân dân. Áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ kiểm định khí thải công nghiệp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định khí thải công nghiệp của lực lượng Công an nhân dân.

Việc kiểm định khí thải công nghiệp phải thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư này hoặc các phương pháp quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

Việc kiểm định khí thải công nghiệp phải bảo đảm kịp thời, chính xác, khách quan, đúng

quy trình và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của cán bộ, đơn vị tiến hành kiểm định khí thải công nghiệp

Thông tư nêu rõ điều kiện chuyên môn của cán bộ kiểm định khí thải công nghiệp. Theo đó, cán bộ làm nhiệm vụ kiểm định khí thải công nghiệp phải có trình độ trung cấp trở lên và được cấp giấy chứng nhận đã tập huấn hoặc bồi dưỡng về kỹ thuật thu mẫu khí thải công nghiệp, đo khí thải công nghiệp tại hiện trường, phân tích mẫu khí thải công nghiệp do Bộ Công an hoặc cơ quan có chức năng tổ chức.

Cán bộ kiểm định khí thải công nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ kiểm định khí thải công nghiệp có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng quy trình kiểm định khí thải công nghiệp quy định tại Thông tư này.

- Đảm bảo phương tiện, thiết bị kiểm định khí thải công nghiệp được giao hoạt động bình thường, ổn định và được hiệu chuẩn hoặc kiểm định theo quy định của pháp luật về đo lường; thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc hạn chế ảnh hưởng theo hướng dẫn hoặc khuyến cáo của nhà sản xuất; thực hiện đầy đủ quy trình kiểm soát chất lượng và bảo đảm chất lượng.

- Từ chối thu mẫu, đo khí thải công nghiệp tại hiện trường khi phương tiện, thiết bị không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật theo quy định, vị trí thao tác tại hiện trường không đảm bảo an toàn hoặc không có các biện pháp đảm bảo an toàn cho cán bộ thực hiện.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng phương tiện, thiết bị, phương pháp, trình tự kiểm định khí thải công nghiệp và kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị, phương pháp kiểm định khí thải công nghiệp.

Đơn vị tiến hành kiểm định khí thải công nghiệp có trách nhiệm:

- Lập hồ sơ quản lý phương tiện, thiết bị kiểm định khí thải công nghiệp bao gồm: lý lịch; hướng dẫn sử dụng; nhật ký sử dụng; giấy kiểm định hoặc hiệu chuẩn; sổ giao, nhận phương tiện, thiết bị;

- Tổ chức bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện, thiết bị kiểm định khí thải công nghiệp; mua sắm hóa chất, vật tư theo quy định, kịp thời sửa chữa phương tiện, thiết bị kiểm định khí thải công nghiệp đảm bảo công tác;

- Lập hồ sơ về năng lực chuyên môn của cán bộ kiểm định khí thải công nghiệp bao gồm: lý lịch khoa học; hồ sơ đào tạo, các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận liên quan;

- Lập hồ sơ về kiểm định khí thải công nghiệp và các văn bản, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ việc kiểm định khí thải công nghiệp;

- Phân công cán bộ đảm bảo điều kiện năng lực chuyên môn kiểm định khí thải công nghiệp;

- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định khí thải công nghiệp.

Lựa chọn đơn vị phối hợp kiểm định khí thải công nghiệp

Về lựa chọn đơn vị phối hợp kiểm định khí thải công nghiệp, Thông tư quy định trong trường hợp đơn vị kiểm định khí thải công nghiệp thuộc lực lượng Công an nhân dân không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực chuyên môn, điều kiện phương tiện, thiết bị thì sử dụng đơn vị phối hợp ngoài ngành Công an. Đơn vị được phối hợp phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường còn hiệu lực với thông số cần kiểm định.

Trường hợp lựa chọn đơn vị phối hợp đáp ứng yêu cầu kiểm định khí thải công nghiệp thì phải lập danh sách kèm theo hồ sơ năng lực của đơn vị đó và được lãnh đạo phê duyệt. Chỉ sử dụng đơn vị phối hợp trong danh sách đã được lãnh đạo phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện việc thu mẫu, đo khí thải công nghiệp tại hiện trường thì đơn vị thuộc Công an nhân dân phải chủ trì thực hiện.

Kinh phí phục vụ cho việc phối hợp với các đơn vị ngoài ngành Công an để kiểm định khí thải công nghiệp được thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, thông số và phương pháp kiểm định khí thải công nghiệp được quy định tại Phụ

lục 03, Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này và tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, giấy phép môi trường, loại hình sản xuất, quy mô, đặc điểm nguồn thải, thông tin từ hoạt động nghiệp vụ và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là căn cứ để lựa chọn những thông số đặc trưng, có khả năng vượt ngưỡng cho phép để kiểm định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2025./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Ngày 14/2/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 01/2025/TT-BKHCN ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự.

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự (QCVN 25:2025/BKHCN).

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định các yêu cầu về an toàn và quản lý đối với các thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự được quy định trong các Danh mục tại Phụ lục A và Phụ lục B của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này (sau đây gọi tắt là Danh mục thiết bị điện). Mã HS của các thiết bị điện tại Phụ lục A và Phụ lục B theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật này chỉ bao gồm các loại thiết bị điện được thiết kế để lắp đặt trong hệ thống phân phối điện đến 440 V xoay chiều của các công trình dân dụng.

Các loại thiết bị điện sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này:

- Các thiết bị điện phòng nổ quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Ổ cắm điện, phích cắm điện, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài có dòng điện danh định lớn hơn 32 A;

- Công tắc điện có dòng điện danh định lớn hơn 20 A;

- Các loại công tắc điện được thiết kế để lắp đặt trong thiết bị điện;

- Áptômát có dòng điện danh định lớn hơn 63 A;

- Các thiết bị điện không thuộc phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

Về đối tượng áp dụng. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2027, tất cả các thiết bị điện quy định tại Phụ lục A và Phụ lục B của QCVN 25:2025/BKHCN phải đáp ứng các quy định tại QCVN 25:2025/BKHCN trước khi lưu thông trên thị trường./.

➤ **Quyết định ban hành tiêu chuẩn Quốc gia**

Quyết định số 3510/QĐ-BKHCN (31/12/2024):

1. TCVN 14290-1:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 1: Trồng rừng trên cạn

2. TCVN 14290-2:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 2: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên cạn

3. TCVN 14290-3:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 3: Làm giàu rừng tự nhiên trên cạn

4. TCVN 14290-4:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 4: Nuôi dưỡng rừng trên cạn

5. TCVN 14290-5:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 5: Cải tạo rừng tự nhiên trên cạn

6. TCVN 14286-1:2024, Phương pháp điều tra rừng – Phần 1: Tầng cây cao

7. TCVN 14286-2:2024, Phương pháp điều tra rừng – Phần 2: Tầng cây tái sinh

8. TCVN 14286-3:2024, Phương pháp điều tra rừng – Phần 3: Lâm sản ngoài gỗ

9. TCVN 14287:2024, Phương pháp xác định sinh khối và trữ lượng các-bon rừng

10. TCVN 14247:2024, Rừng tự nhiên – Phương pháp xác định các chỉ tiêu nghiệm thu

11. TCVN 14289:2024, Giống cây lâm nghiệp – Cây giống keo

Quyết định số 94/QĐ-BKHCN (22/01/2025):

1. TCVN 6875:2025, Quần áo bảo vệ – Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa – Yêu cầu tính năng tối thiểu,

2. TCVN 7205:2025, Quần áo bảo vệ – Bảo vệ chống lửa – Phương pháp thử hạn chế lửa cháy lan.,

3. TCVN 7206:2025, Quần áo và phương tiện bảo vệ chống nhiệt – Phương pháp thử độ bền nhiệt đối lưu bằng cách sử dụng lò tuần hoàn không khí nóng,

4. TCVN 9547:2025, Quần áo bảo vệ – Bảo vệ chống hóa chất lỏng – Phép đo độ đẩy, độ lưu lại, và độ thấm của các chế phẩm thuốc trừ sâu lỏng qua vật liệu làm quần áo bảo vệ,

5. TCVN 12326-2:2025, Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật – Phần 2: Xác định độ chống thấm,

6. TCVN 12326-4:2025, Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật – Phần 4: Xác định khả năng chống suy giảm do hóa chất,

7. TCVN 14265:2025, Găng tay bảo vệ cho người làm việc với thuốc trừ sâu và người làm việc sau phun – Yêu cầu tính năng,

8. TCVN 14266:2025, Găng tay bảo vệ – Yêu cầu chung và phương pháp thử,

9. TCVN 14267:2025, Găng tay bảo vệ chống rủi ro cơ học,

10. TCVN 14268:2025, Quần áo bảo vệ chống hóa chất – Phân loại, ghi nhãn và yêu cầu tính năng,

11. TCVN 14269:2025, Trang phục bảo vệ chống lại tác nhân lây nhiễm – Khẩu trang y tế – Phương pháp thử độ chống thấm máu nhân tạo (thể tích cố định, phun theo phương ngang)

Quyết định số 99/QĐ-BKHCN (22/01/2025):

1. TCVN 12671-4-1:2025, Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV

– Phần 4-1: Cáp dùng cho sạc điện một chiều theo chế độ 4 của TCVN 13078-1 (IEC 61851-1) – Sạc điện một chiều không sử dụng hệ thống quản lý nhiệt

2. TCVN 12671-4-2:2025, Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV – Phần 4-2: Cáp dùng cho sạc điện một chiều theo chế độ 4 của TCVN 13078-1 (IEC 61851-1) – Cáp được thiết kế để sử dụng với hệ thống quản lý nhiệt

Quyết định số 413/QĐ-BKHCN (17/02/2025):

1. TCVN 6781-1-1:2025, Mô-đun quang điện (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu cụ thể đối với thử nghiệm mô-đun quang điện (PV) tinh thể silic

2. TCVN 14299-1:2025, Quang điện cho tòa nhà – Phần 1: Yêu cầu đối với mô-đun quang điện tích hợp tòa nhà

Quyết định số 416/QĐ-BKHCN (18/02/2025):

1. TCVN 14224:2025, Nhà máy nhiệt điện – Thử nghiệm xác định các đặc tính kỹ thuật lò hơi đốt nhiên liệu

2. TCVN 14225:2025, Nhà máy nhiệt điện – Thử nghiệm xác định các đặc tính kỹ thuật của toàn nhà máy

Quyết định số 419/QĐ-BKHCN (18/02/2025):

1. TCVN ISO 14064-1:2025, Khí nhà kính – Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ tổ chức

2. TCVN ISO 14064-2:2025, Khí nhà kính – Phần 2: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn để định lượng, giám sát và báo cáo giảm phát thải hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ dự án,

3. TCVN ISO 14064-3:2025, Khí nhà kính – Phần 3: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố khí nhà kính

4. TCVN ISO 14065:2025, Các nguyên tắc chung và yêu cầu đối với các tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận thông tin môi trường

5. TCVN ISO 14066:2025, Thông tin môi trường – Yêu cầu năng lực đối với đoàn xác nhận giá trị sử dụng và đoàn kiểm tra xác nhận thông tin môi trường

6. TCVN ISO 14068-1:2025, Quản lý biến đổi khí hậu – Chuyển đổi phát thải ròng bằng không – Phần 1: Trung hòa các-bon

7. TCVN ISO 14083:2025, Khí nhà kính – Định lượng và báo cáo phát thải khí nhà kính phát sinh từ vận hành chuỗi vận chuyển

Quyết định số 566/QĐ-BKHCN (14/04/2025):

1. TCVN 7026:2025, Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay – Tính năng và cấu tạo

2. TCVN 7027:2025, Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy có bánh xe – Tính năng và cấu tạo

3. TCVN 13877-1:2025, Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy bằng bột – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử đối với từng bộ phận

➤ **Quyết định hủy bỏ tiêu chuẩn Quốc gia**

Quyết định số 557/QĐ-BKHCN (14/04/2025):

1. TCVN 7026:2013, Chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay - Tính năng và cấu tạo

2. TCVN 7027:2013, Chữa cháy - Bình chữa cháy có bánh xe - Tính năng và cấu tạo

Quyết định số 93/QĐ-BKHCN (22/01/2025):

1. TCVN 6875:2010, Quần áo bảo vệ - Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa

2. TCVN 7205:2002, Quần áo bảo vệ - Quần áo chống nóng và chống cháy. Phương pháp thử lan truyền cháy có giới hạn

3. TCVN 7206:2002, Quần áo và thiết bị bảo vệ chống nóng - Phương pháp thử độ bền nhiệt đối lưu sử dụng lò tuần hoàn dòng khí nóng

4. TCVN 9547:2013, Trang phục bảo vệ - Bảo vệ chống hóa chất lỏng - Phép đo mức độ không thấm, mức độ lưu lại, và mức độ thấm qua của các chế phẩm thuốc trừ sâu lỏng qua vật liệu làm trang phục bảo vệ

Quyết định số 412/QĐ-BKHCN (17/02/2025):

1. TCVN 6781-1-1:2017, Mô-đun quang điện (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu cụ thể đối với thử nghiệm mô-đun quang điện (PV) tinh thể silic./.

XÁC ĐỊNH ỨNG SUẤT DƯ, MỨC ĐỘ NỨT VỠ, BIẾN DẠNG VÀ BIẾN MÀU GỖ SẤY THEO TCVN 14118: 2024

Hiện nay gỗ sấy đang được sử dụng phổ biến trong nhiều công trình xây dựng, đồ nội thất, các ngành công nghiệp khác nhau. Tuy nhiên để có được một sản phẩm gỗ sấy đạt chất lượng thì việc xác định ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu theo tiêu chuẩn là điều cần thiết.



Gỗ là vật liệu hút ẩm từ môi trường. Tính hút ẩm là một trong những tính chất đặc biệt nhất của gỗ. Bất kỳ loại sản phẩm nào cũng hấp thụ ẩm từ không khí xung quanh cho tới khi đạt đến độ ẩm cân bằng. Tuy nhiên gỗ tự nhiên có lượng lớn nước trong những thớ gỗ và theo thời gian nước sẽ tiếp tục giảm đi làm cho kích thước của gỗ hụt đi so với ban đầu. Vì vậy, việc sấy gỗ là cần thiết giúp cho kích thước của phôi gỗ về ổn định, từ đó việc sản xuất cũng dễ dàng và chính xác hơn.

Đối với gỗ sấy được xử lý bằng nhiệt độ và độ ẩm để loại bỏ lượng nước thừa trong gỗ, giúp gỗ ổn định hơn, chống cong vênh, nứt nẻ, và mối mọt. Gỗ sấy thường sở hữu các đặc điểm độ ẩm thấp thường dưới 12%, gỗ có màu sắc sáng hơn, độ cứng cao tạo ra tính chất cơ học vượt trội, độ bền cao đáp ứng thời tiết khắc nghiệt. Do đó gỗ sấy thường được sử dụng

trong các ngành công nghiệp khác nhau như đóng tàu, sản xuất giấy, đồ nội thất...Xong để đảm bảo gỗ sấy đạt chất lượng tốt nhất cần xác định ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu theo tiêu chuẩn.

Căn cứ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14118:2024 về gỗ sấy- xác định ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thì việc xác định cần sử dụng các dụng cụ như cưa, có thể sử dụng cưa vòng lượn (cưa vánh), cưa đĩa hoặc các loại cưa xẻ bất kỳ có thể cắt được mẫu có kích thước tương ứng. Thước kẹp, có vạch chia đến 0,5 mm, thước cuộn, có vạch chia đến 1mm, thước phẳng hoặc vật có mặt phẳng, có chiều dài đủ lớn để bao phủ chiều dài tấm gỗ. Máy bào hoặc máy phay, có thể sử dụng máy bào/phay một hoặc nhiều mặt.

Để so sánh sự biến đổi màu sắc của gỗ sấy so với mẫu đối chứng có thể quan sát bằng mắt thường hoặc sử dụng các máy so màu hoặc các công cụ hỗ trợ khác tùy thuộc vào sự thỏa thuận của các bên.

Tiêu chuẩn này cũng hướng dẫn khi lấy mẫu gỗ sấy để xác định các chỉ tiêu chất lượng được thực hiện theo phương pháp rút mẫu ngẫu nhiên và tuân thủ trong TCVN 13706:2023 với hạng chất lượng E. Mẫu gỗ sấy đã lấy để đo độ ẩm cũng được sử dụng lại để xác định các chỉ tiêu chất lượng.

Xác định mức độ nứt vỡ bằng cách từ mỗi mẫu gỗ sấy, sử dụng thước kẹp để đo khoảng cách giữa hai đường giới hạn của mỗi phần mẫu gỗ sấy bị nứt mặt và phần mở rộng của vết tách đầu. Xác định độ nứt ngầm bằng cách từ mỗi mẫu gỗ sấy, cắt một mẫu kiểm tra có chiều dài 300mm tính từ đầu tấm gỗ. Các mẫu kiểm tra này có thể xuất hiện hoặc không xuất hiện các vết nứt ngầm trên mặt cắt ngang.

Để đánh giá mức độ biến màu của mẫu gỗ sấy, một lượng mẫu đối chứng có đặc trưng tương tự mẫu gỗ sấy về loại gỗ và loại ván xẻ được sử dụng với kích thước dài, rộng và dày lần lượt là 300mm, 100mm và 15mm. Những mẫu đối chứng này được sấy ở nhiệt độ thấp (dưới 40 °C) để tránh khuyết tật biến màu và được bảo nhả một mặt để dễ so sánh. Những mẫu này được lưu giữ tránh ánh nắng để bảo vệ bề mặt đã bào sạch. Mẫu gỗ sấy để xác định mức

độ biến màu được bào sâu 2mm và được so sánh sự biến đổi màu sắc so với mẫu đối chứng.

Quá trình báo cáo thử nghiệm phải bao gồm những thông tin: Viện dẫn tiêu chuẩn này; Các chi tiết liên quan đến lấy mẫu; Phương pháp thử đã sử dụng; Các kết quả thử và các giá trị thống kê; Ngày thử nghiệm; Tên tổ chức tiến hành thử nghiệm./.

(Thanh Thúy)

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC HÀNG HÓA “TIỀN ĐỀ” TẠO DỰNG MỘT “HỆ SINH THÁI MINH BẠCH”

Tình trạng làm giả hiện nay không chỉ là sao chép mẫu mã, mà còn giả mạo cả thông tin, dữ liệu và mã truy xuất nguồn gốc do đó việc minh bạch trong truy xuất nguồn gốc chính là tiền đề tạo dựng một “hệ sinh thái minh bạch.



Hiện nay tình trạng hàng giả hàng nhái ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp cả về quy mô lẫn số vụ lừa đảo. Những phương pháp truyền thống như tem nhãn, mã vạch đơn thuần không còn đủ sức để đối phó với thủ đoạn tinh vi, đang bộc lộ nhiều bất cập, dễ bị làm giả, làm lại, thậm chí bị giả mạo cả mã QR.

Tình trạng này đã đến giai đoạn báo động, vì nó trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống sức khỏe, thậm chí là đe dọa cả tính mạng của con người. Chính vì thế, trong dự thảo sửa đổi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất đưa vào các quy định mới liên quan đến việc ứng dụng công nghệ vào

công tác quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa.

Ngoài ra Nhà nước có chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực để ứng dụng công nghệ trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Liên quan tới vấn đề này ông Trần Giang Khuê - Trưởng Văn phòng đại diện phía Nam (Cục Sở hữu trí tuệ) cho biết, trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay chất lượng hàng hóa phải được quan tâm hàng đầu. Vai trò trong chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý chất lượng hàng hóa, chống giả. Đặc biệt là truy xuất nguồn gốc liên quan đến thương hiệu và uy tín cũng như niềm tin người tiêu dùng.

TS. Trịnh Bá Dương, Chủ tịch AseanHub – Chuyên gia Đổi mới sáng tạo Quốc gia, đại diện Techfest cũng chia sẻ, nếu xem công nghệ là chìa khóa thì truy xuất nguồn gốc phải là cánh cửa để mở ra một nền thương mại minh bạch, văn minh và bền vững. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà là nền tảng để bảo vệ người dân, hỗ trợ doanh nghiệp và nâng tầm quốc gia trong nền kinh tế số.

Đặc biệt phải tính đến thực tiễn và khả năng triển khai sâu rộng của mô hình kết hợp

ba công nghệ: RFID – Blockchain – AI. Sự kết hợp ba công nghệ này tạo nên một hệ thống truy xuất nguồn gốc chính xác, minh bạch và tự động hóa, đủ sức đối phó với mọi hình thức làm giả hiện đại. Tuy nhiên khi thực hiện không chỉ dừng lại ở sản phẩm tiêu dùng, hệ thống này hoàn toàn có thể triển khai trong các lĩnh vực như y tế, dược phẩm, nông sản, logistics, thủy sản, và cả thương mại điện tử xuyên biên giới.

Còn đối với hàng hóa nhập khẩu, thông

qua việc truy xuất nguồn gốc giúp cho việc kiểm soát chất lượng của các mặt hàng nhập khẩu tốt hơn, tạo được niềm tin cho người tiêu dùng và sự cạnh tranh bình đẳng giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước. Qua đó, giúp người tiêu dùng hạn chế mua phải hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, đặc biệt là những sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe như thực phẩm, dược phẩm.../.

(Yến Hoa)

XÁC ĐỊNH HIỆU LỰC XÉN TÓC GỖ KHÔ STRONGMATIUM LONGICORNE NEWMAN THEO TIÊU CHUẨN

Chế phẩm bảo quản gỗ được hiểu là các hợp chất có nguồn gốc tự nhiên, hóa tổng hợp, hóa sinh học dùng để bảo quản gỗ, phòng chống sinh vật gây hại như nấm, hà biển, phi sinh vật như lửa, ánh sáng, cơ học, hóa học. Đặc biệt là loài côn trùng xén tóc gỗ khô strongmatium longicorne newman làm phá hủy hoặc biến dạng gỗ và sản phẩm gỗ nghiêm trọng. Do đó việc xác định hiệu lực phòng chống xén tóc gỗ khô này theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13704:2023 là điều cần thiết giúp hạn chế đáng kể thiệt hại do côn trùng này gây ra.



Trong các loại côn trùng gây hại gỗ phải nói tới xén tóc gỗ khô strongmatium longicorne newman. Đây là một loài côn trùng ăn thực vật và là một trong những loài côn trùng hại gỗ nghiêm trọng nhất trên toàn cầu, ảnh hưởng đến nhiều loại cây trồng rừng, cây trồng nông

nghiệp, cây cảnh và các sản phẩm gỗ, gây thiệt hại lớn về kinh tế mỗi năm. Chúng chuyên đục thân, rễ, cành làm suy yếu và gây chết cây trồng, cây rừng.

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13704:2023 về chế phẩm bảo quản gỗ - xác định hiệu lực phòng chống xén tóc gỗ khô strongmatium longicorne newman - phương pháp trong phòng thí nghiệm quy định hiệu lực của chế phẩm bảo quản gỗ được công bố nhằm đánh giá dựa trên khả năng đào hang của sâu non xén tóc mới nở vào mẫu thử và khả năng diệt trứng xén tóc.

Cụ thể về đánh giá khả năng đào hang của sâu non mới nở, tùy thuộc vào yêu cầu thử nghiệm để thực hiện. Theo đó nên tẩm cho một bộ mẫu thử của loại gỗ có độ bền tự nhiên kém với Xén tóc gỗ khô bằng dung dịch chế phẩm bảo quản hoặc nếu cần xác định độ độc của chế phẩm, phải tẩm cho các bộ mẫu thử của cùng một loại gỗ có độ bền tự nhiên kém với Xén tóc gỗ khô, số lượng bộ mẫu thử tương ứng với số cấp nồng độ của dung dịch chế phẩm được chuẩn bị để thử nghiệm.

Các mẫu thử nghiệm đã được tẩm bảo quản được tiếp xúc với sâu non xén tóc gỗ khô stromatium longicorne Newman. Kết quả sự xâm nhập, đào hang của sâu non được quan sát và so sánh với các mẫu đối chứng không được tẩm.

Nếu dung dịch chế phẩm bảo quản đã được chuẩn bị trong phòng thí nghiệm bằng

cách pha loãng hóa chất đậm đặc hoặc bằng cách hòa tan chất rắn, thì kết quả sự xâm nhập cũng được so sánh với mẫu thử đối chứng được tẩm bằng dung môi hoặc dung dịch dung pha loãng hoạt chất.

Đánh giá khả năng diệt trùng trong thí nghiệm này, các mẫu gỗ tẩm tiếp xúc với những con xén tóc cái mới giao phối. Kiểm tra khả năng nở của trứng trên gỗ tẩm. Khi hiệu quả diệt trùng không đạt, tỷ lệ chết của sâu non ở gỗ tẩm chế phẩm bảo quản tiếp tục đánh giá tương tự theo quy trình đánh giá khả năng đào hang của sâu non mới nở.

Yêu cầu về báo cáo thử nghiệm hiệu lực của chế phẩm bảo quản gỗ bao gồm ít nhất các thông tin: Viện dẫn Tiêu chuẩn này; Tên của nhà cung cấp chế phẩm bảo quản được thử

thử nghiệm; Tên hoặc mã cụ thể và duy nhất của chế phẩm bảo quản được thử nghiệm, với dấu hiệu về việc chế phẩm đã được công bố hay chưa; Tên và nồng độ của thành phần hoạt chất; Dung môi hoặc chất pha loãng được sử dụng, nếu có liên quan; Loại gỗ được sử dụng; Phương pháp áp dụng và nồng độ chế phẩm bảo quản được thử nghiệm, được biểu thị bằng phần khối lượng, nếu có; Ngày tẩm chế phẩm bảo quản;

Lưu ý việc giải thích và các kết luận thực tế có thể được rút ra từ báo cáo thử nghiệm này đòi hỏi kiến thức chuyên môn về lĩnh vực bảo quản gỗ và vì lý do này. Bất kỳ sự thay đổi nào so với phương pháp thử được mô tả và bất kỳ yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến kết quả./.

(Tiến Đông)

HIỆN ĐẠI HÓA QUY TRÌNH SẢN XUẤT GIÚP DOANH NGHIỆP HẠ GIÁ THÀNH TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Việc hiện đại hóa quy trình sản xuất, ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ (KH&CN) không chỉ giúp hạ giá thành, tăng năng suất lao động, mà còn nâng cao độ chính xác, đồng đều và độ bền của sản phẩm, tạo niềm tin cho khách hàng.



Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ, năng suất và chất lượng trở thành hai yếu tố then chốt quyết định sức cạnh tranh của mọi doanh nghiệp. Việc ứng dụng tiến bộ KH&CN không

chỉ giúp rút ngắn chu trình sản xuất, giảm thiểu sai sót do thao tác thủ công, mà còn tạo ra giá trị gia tăng thông qua việc đồng nhất hóa chất lượng, tối ưu hóa chi phí và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp đã và đang đi đầu trong xu hướng này, tận dụng tự động hóa, số hóa và quản trị dữ liệu để hiện đại hóa mọi khâu, từ thiết kế sản phẩm đến quản lý chuỗi cung ứng.

Đơn cử như Công ty cổ phần Thiết bị giáo dục Hồng Đức là minh chứng cho hiệu quả của tự động hóa tích hợp. Từ đầu năm 2024 đến nay, doanh thu của công ty đã vượt mốc 30 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 15% so với năm 2023. Thành tựu đó có được nhờ việc đầu tư đồng bộ hệ thống máy gia công trung tâm, máy cắt CNC sáu đầu điều khắc, rô-bốt hàn tự động, dây chuyền sơn tĩnh điện và dây chuyền gia công nội thất gỗ công nghiệp CNC. Ngoài ra, phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) 1C đã được triển khai triệt để, kết nối toàn bộ quy trình từ khi tiếp nhận đơn hàng,

quản lý nguyên vật liệu đến quy trình giao – nhận hàng và thanh toán. Nhờ vậy, thủ tục hành chính nhanh gọn, tồn kho được kiểm soát chặt chẽ, chi phí sản xuất giảm đáng kể trong khi chất lượng sản phẩm được nâng lên rõ rệt.

Hay Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn, với ba nhà máy may gia công xuất khẩu và hơn 2.000 công nhân, đã không ngừng đổi mới công nghệ để đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu thời trang quốc tế. Máy vẽ sơ đồ tự động, máy cắt số hóa, máy may tự động, máy kiểm tra vải và hệ thống máy trải vải tự động giúp giảm tỷ lệ phế phẩm, tiết kiệm nguyên liệu và rút ngắn thời gian sản xuất. Bên cạnh đó, tập trung đào tạo nguồn nhân lực vận hành thiết bị công nghệ cao, tạo dựng đội ngũ thợ lành nghề, có kỹ năng xử lý tình huống và tinh thần cải tiến liên tục. Nhờ đó, Tiên Sơn không chỉ nâng cao năng suất mà còn khẳng định uy tín về chất lượng, duy trì mối quan hệ đối tác chiến lược bền vững với khách hàng quốc tế.

Để đảm bảo tính bền vững và tạo đà phát triển, doanh nghiệp cần chú trọng một số giải pháp đồng bộ. Trước hết, thành lập các phòng nghiên cứu, tổ chức KH&CN nội bộ để tự chủ nghiên cứu, thử nghiệm và làm chủ công nghệ

mới. Tiếp đến, thiết lập cơ chế hợp tác chặt chẽ với viện, trường, chuyên gia để chuyển giao công nghệ, chia sẻ nguồn lực và cùng phát triển giải pháp phù hợp. Về phía quản lý, cần xây dựng chính sách ưu đãi tín dụng, miễn giảm thuế, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và kết nối thị trường cho doanh nghiệp đổi mới.

Đồng thời, ứng dụng hệ thống quản trị dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để dự báo nhu cầu, tối ưu hóa kế hoạch sản xuất, bảo trì thiết bị và phát triển sản phẩm mới. Cuối cùng, doanh nghiệp nên triển khai chương trình cải tiến liên tục (kaizen) và quản lý chất lượng toàn diện (TQM) để không ngừng nâng cao hiệu suất và chất lượng.

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, năng suất và chất lượng sản phẩm gắn chặt với khả năng ứng dụng KH&CN. Doanh nghiệp nào nhanh chóng đầu tư tự động hóa, số hóa và quản trị dữ liệu, đồng thời xây dựng môi trường hợp tác nghiên cứu – đào tạo – sản xuất, sẽ vượt qua thách thức, mở rộng thị trường và hướng đến phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy tăng trưởng chung của nền kinh tế./.

(Tiến Đông)

DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý GÌ KHI QCVN 25:2025/BKHCN CÓ HIỆU LỰC

Từ ngày 1/4/2025, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 25:2025/BKHCN chính thức có hiệu lực, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thiết bị điện cần nắm rõ các yêu cầu mới để đảm bảo tuân thủ và duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

Ngày 14/2/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 01/2025/TT-BKHCN, chính thức công bố QCVN 25:2025/BKHCN về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự. Quy chuẩn này có hiệu lực từ ngày 1/4/2025, nhằm nâng cao an toàn trong quá trình sử dụng thiết bị điện tại gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự, đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác phòng cháy chữa cháy lĩnh vực thiết bị điện.

Quy chuẩn áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Cụ thể, quy chuẩn này quy định rõ kỹ thuật, thiết bị điện phải phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện. Đối với các yêu cầu thử nghiệm có liên quan đến điều kiện khí hậu thì áp dụng điều kiện khí hậu nhiệt đới. Quy định về quản lý, thiết bị điện sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy theo quy chuẩn này và được gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Thiết bị điện nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy theo quy chuẩn này và gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.



Công bố hợp quy cho thiết bị điện phải dựa trên kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức chứng nhận được chỉ định.

QCVN 25:2025/BKHCN quy định rõ các yêu cầu về an toàn và quản lý đối với: Áptômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không quá 63 A; áptômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A; ổ cắm điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; phích cắm điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; công tắc điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 20 A; áptômát tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) dòng điện danh định không quá 63 A. Phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật này bao gồm các loại thiết bị điện được thiết kế để lắp đặt trong

hệ thống phân phối điện đến 440 V xoay chiều của các công trình dân dụng.

Thông tư cũng đưa ra các loại thiết bị điện không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2025/BKHCN. Đó là các thiết bị điện phòng nổ quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; ổ cắm điện, phích cắm điện, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài có dòng

điện danh định lớn hơn 32 A; công tắc điện có dòng điện danh định lớn hơn 20 A; các loại công tắc điện được thiết kế để lắp đặt trong thiết bị điện; áptômát có dòng điện danh định lớn hơn 63 A; những thiết bị điện không thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

Từ quy định trên, để đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, doanh nghiệp cần:

1. Rà soát danh mục sản phẩm để xác định các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn.
2. Chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật và cung cấp cho tổ chức chứng nhận để phục vụ việc thử nghiệm điển hình và chứng nhận hợp quy.
3. Lựa chọn tổ chức chứng nhận được chỉ định để thực hiện đánh giá sự phù hợp.
4. Gắn dấu hợp quy lên sản phẩm sau khi được chứng nhận hợp quy trước khi đưa ra thị trường.

Việc tuân thủ quy chuẩn không chỉ giúp doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm, mà còn góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước./.

(Nguyễn Nhung)

DOANH NGHIỆP THÉP BỨT PHÁ CHẤT LƯỢNG NHỜ CÔNG CỤ NÂNG CAO NĂNG SUẤT

Trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt cả trong và ngoài nước, nhiều doanh nghiệp thép đã chủ động áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, đưa chất lượng sản phẩm lên “tầm cao mới”.



Trong năm 2025, ngành Thép Việt kỳ vọng có thêm nhiều điều kiện để thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu ra các thị trường. Tuy nhiên, trước bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay, nhất là nguy cơ đối mặt với các vụ việc phòng vệ thương mại, cùng các vấn đề phát sinh, trong khi tình trạng mất cân đối cung - cầu trong nước vẫn chưa được cải thiện đang đặt ra yêu cầu đối với ngành Thép Việt Nam và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này phải đổi mới công nghệ, cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, để tạo vị thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trong thời điểm hội nhập toàn cầu và cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, việc đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng là những giải pháp giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nâng cao vị thế và uy tín, hình ảnh của doanh nghiệp trên thị trường.

Thời gian qua, một trong những doanh nghiệp thép thành công nâng cao năng lực cạnh tranh bằng năng suất và chất lượng điển hình có thể kể đến Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức liên tục đầu tư hệ thống dây chuyền ống thép,

tôn cán nguội và tôn mạ kẽm theo công nghệ châu Âu, Nhật Bản với tỷ lệ tự động hóa cao. Công ty áp dụng nghiêm ngặt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và phương pháp 5S của Nhật Bản để kiểm soát chặt chẽ mọi khâu từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm đầu ra. Đặc biệt, việc chuyển đổi nhiên liệu đốt từ dầu FO sang khí gas cùng hệ thống thu hồi bụi kẽm và chất trợ dung mới đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, hạn chế ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, cải tiến hầm sấy của dây chuyền ống mạ và cơ cấu lại xưởng sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn đã đẩy mạnh hiệu quả quản lý, rút ngắn thời gian gia công, nâng cao năng suất chung của nhà máy.

Bên cạnh đó, Thép Việt Đức đẩy mạnh sản xuất vào giờ thấp điểm, lắp đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời và áp dụng hệ thống chiếu sáng tự động. Nhờ đó, công ty không chỉ nâng cao công suất mà còn giảm đáng kể chi phí điện, đóng góp vào việc tăng lợi nhuận. Kết quả năm 2023, doanh nghiệp hoàn thành hơn 1 triệu tấn thép, đạt tổng doanh thu gần 15.000 tỷ đồng và nộp ngân sách gần 470 tỷ đồng, đồng thời đảm bảo việc làm cho gần 1.000 lao động với thu nhập bình quân trên 15 triệu đồng/người/tháng.

Hay tại Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Fomosa Hà Tĩnh đã thành lập Ban Quản lý Năng lượng và chính thức đưa ISO 50001 vào vận hành. Các chuyên gia nội bộ và đối tác đã đề xuất loạt giải pháp cải thiện hiệu suất máy bơm, khí nén và máy nghiền. Điển hình là điều chỉnh on/off bơm hệ thống phân tách lưu huỳnh xưởng lò coke để tiết kiệm hơn 10.000 kWh/năm, tương đương 718 USD. Việc thay cánh bơm nhỏ cho hệ thống bơm tuần hoàn nước làm mát thu về lợi ích gần

60.000 USD/năm với chi phí đầu tư chỉ 12.330 USD. Giải pháp lớn nhất di dời ống hút khí đầu vào máy nén khí dù tốn 90.000 USD nhưng dự kiến hoàn vốn trong hơn 3 năm, mang lại tiết kiệm 413.329 kWh/năm. Tổng kết, Fomosa Hà Tĩnh tiết kiệm được hơn 5.000 tấn than và 1.588 MWh điện mỗi năm, tương đương gần 440.000 USD, chiếm 1,2 % tổng chi phí năng lượng.

Còn tại Công ty Thép Posco đã áp dụng công cụ Board Visual Management (kế hoạch trực quan) tại các phân xưởng. Nhờ biểu đồ KPI, bảng theo dõi tiến độ và “Daily Stand-up”, Posco ghi nhận: công việc tạo giá trị tăng 17 %, thời gian chờ – xử lý sự cố giảm 21 % và mức hài lòng của người lao động cải thiện từ 30 %

lên 90 %. Nhân viên tham gia đề xuất ý tưởng cải tiến liên tục, tạo môi trường làm việc chủ động, minh bạch và phát huy tối đa năng lực ổn định sản xuất.

Có thể thấy việc áp dụng tổng thể các công cụ nâng cao năng suất từ tự động hóa, chuyển đổi nhiên liệu, quản lý chất lượng ISO đến tối ưu hóa năng lượng và kế hoạch trực quan là chìa khóa để doanh nghiệp thép Việt Nam gia tăng sức cạnh tranh. Khi chủ động áp dụng các giải pháp này, doanh nghiệp không chỉ giảm chi phí đầu vào mà còn nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường và mở rộng thị phần quốc tế, từ đó đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành thép trong nước./.

(*Hồng Vân*)

ASTM D8444 – BƯỚC TIẾN MỚI TRONG XÂY DỰNG HẠ TẦNG BỀN VỮNG

ASTM International vừa công bố tiêu chuẩn mới D8444/D8444M, quy định yêu cầu vật liệu cho thanh cốt polymer cốt sợi thủy tinh (GFRP) trong bê tông lát đường. Tiêu chuẩn này hứa hẹn nâng cao độ bền và tuổi thọ cho các công trình giao thông, đồng thời thúc đẩy phát triển hạ tầng bền vững.



Ngày 2 tháng 7 năm 2024, Ủy ban vật liệu composite D30 của ASTM International đã phê duyệt tiêu chuẩn D8444/D8444M, quy định các

yêu cầu vật liệu cho thanh cốt polymer cốt sợi thủy tinh (GFRP) sử dụng trong bê tông lát đường. Tiêu chuẩn này nhằm mục tiêu tăng cường độ bền và tuổi thọ của hạ tầng giao thông, đặc biệt trong các khu vực có điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Thanh cốt đóng vai trò then chốt trong việc kết nối các tấm bê tông lát đường, giúp truyền lực giữa các tấm và giảm nguy cơ lún, nứt. Trước đây, do thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật chính thức, việc sử dụng GFRP bị hạn chế trong nhiều dự án công trình. Tuy nhiên, với sự ra đời của ASTM D8444, các đơn vị thiết kế, nhà thầu và cơ quan quản lý có thể yên tâm hơn trong việc áp dụng GFRP cho các công trình hạ tầng quan trọng.

Tiêu chuẩn này cũng bao gồm các yêu cầu về tính chất vật lý và cơ học như: độ bền kéo, mô đun đàn hồi, kích thước hình học và khả năng liên kết với bê tông. Ngoài ra, nó cũng đưa ra hướng dẫn thử nghiệm từng lô sản phẩm để đảm bảo đồng nhất chất lượng khi sản xuất hàng loạt.

Thanh cốt GFRP là một giải pháp thay thế cho thanh cốt thép truyền thống, với ưu điểm không bị ăn mòn do muối đường hoặc nước thấm qua các vết nứt trong bê tông. Điều này giúp tăng độ bền và giảm chi phí bảo trì cho các công trình giao thông. Một điểm đặc biệt đáng chú ý là thanh cốt GFRP không dẫn điện, do đó phù hợp cho các hệ thống giao thông sử dụng cảm biến từ tính như vòng từ trong hệ thống thu phí không dừng hoặc kiểm soát giao thông tự động. Điều này mở ra nhiều khả năng ứng dụng trong hạ tầng giao thông thông minh hiện đại, nơi công nghệ và cơ khí cần phối hợp chặt chẽ.

Tiêu chuẩn D8444/D8444M mô tả việc sử dụng thanh cốt GFRP trong các công trình hạ tầng dân dụng, đặc biệt là lát đường cao tốc và đường phố, cũng như trong các khu vực có cảm biến hoặc vòng cảm ứng sử dụng trong hệ thống thu phí tốc độ cao.

Tiêu chuẩn này bao gồm một loạt các bài kiểm tra để xác định tính phù hợp của thanh cốt GFRP cho việc sử dụng trong thực tế, cũng như các bài kiểm tra kiểm soát chất lượng cho từng lô sản xuất. Ngoài ra, tiêu chuẩn còn quy

định các đặc tính vật lý và cơ học cần thiết cho việc thiết kế lát đường.

Việc áp dụng tiêu chuẩn D8444/D8444M góp phần vào Mục tiêu Phát triển Bền vững số 9 của Liên Hợp Quốc: Công nghiệp, Đổi mới và Cơ sở hạ tầng. Bằng cách sử dụng vật liệu không ăn mòn, tiêu chuẩn này giúp xây dựng hạ tầng giao thông bền vững và thân thiện với môi trường.

Tiêu chuẩn ASTM D8444/D8444M đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và độ bền của hạ tầng giao thông. Việc sử dụng thanh cốt GFRP không chỉ giảm thiểu chi phí bảo trì mà còn góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu.

Tiêu chuẩn này không có mục đích giải quyết tất cả các mối quan ngại về an toàn, nếu có, liên quan đến việc sử dụng tiêu chuẩn này. Tiêu chuẩn quốc tế này được xây dựng theo các nguyên tắc được công nhận quốc tế về tiêu chuẩn hóa được thiết lập trong Quyết định về các nguyên tắc phát triển các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế do Ủy ban rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới ban hành./.

(Minh Trang)

NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG - CHÌA KHÓA SỐNG CÒN CỦA DOANH NGHIỆP TRONG CẠNH TRANH HIỆN ĐẠI

Từ kết quả của các chương trình quốc gia đến nhu cầu đổi mới sáng tạo trong từng doanh nghiệp, nâng cao năng suất chất lượng đang là con đường tất yếu để gia tăng năng lực cạnh tranh, vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.

Từ thực tế hoạt động, nhiều doanh nghiệp ngày càng nhận thức rõ ràng việc muốn tồn tại và phát triển lâu dài, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tăng sức cạnh tranh trên thị trường là yếu tố then chốt.

Thời gian qua, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất từ Chương



trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì đã tạo dựng những tiền đề quan trọng. Gần 12.000 tiêu chuẩn quốc gia

được xây dựng và hoàn thiện, trong đó khoảng 60% hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế. Cùng với hệ thống 800 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các tiêu chuẩn này đã trở thành công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp điều chỉnh sản xuất theo thông lệ quốc tế, từ đó nâng cao hiệu quả và giá trị sản phẩm.

Không chỉ dừng lại ở hệ thống văn bản quy phạm, các công cụ quản lý tiên tiến cũng đã được đưa vào ứng dụng rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp. Dưới sự hỗ trợ của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia, hàng chục nghìn doanh nghiệp đã tiếp cận và áp dụng hiệu quả các mô hình quản lý hiện đại như Lean, TPM, KPIs, MFCA, LSS... Một số địa phương còn xây dựng mô hình điểm, nhằm nhân rộng kinh nghiệm áp dụng hệ thống tích hợp và công cụ cải tiến đến nhiều doanh nghiệp cùng ngành hoặc cùng chuỗi cung ứng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong là một trong những ví dụ điển hình cho hiệu quả của các công cụ này. Nhờ kết hợp TPM với ISO 9001 và triển khai 5S đồng bộ, năng suất lao động của công ty được cải thiện rõ rệt, thiết bị vận hành đạt hiệu suất trên 90%. Đặc biệt, việc tích hợp bảo trì năng suất toàn diện với hệ thống quản lý chất lượng đã trở thành yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh.

Tại Công ty THACO Interior, sau 7 tháng triển khai, việc áp dụng TPM cùng với duy trì ISO 9001 đã góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của các hệ thống quản lý hiện có trên cơ sở tích hợp tối đa về hệ thống tài liệu và quá trình vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống. Cụ thể, chỉ số OEE (hiệu suất thiết bị tổng thể) của máy làm thí điểm đã tăng từ mức 43% lên 75%. Điều này có tác động tích cực đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của công ty thông qua giảm tổn thất dừng máy, tốc độ, chất lượng.

Từ các mô hình trên có thể thấy, việc cải tiến năng suất giúp doanh nghiệp tiết giảm lãng phí trong sản xuất; tối ưu hóa chi phí nhân lực, nguyên liệu, thời gian và năng lượng. Sản phẩm của doanh nghiệp ngày càng đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe, từ đó nâng cao giá trị thương hiệu và từng bước khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp, cần chủ động hơn trong đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng quản trị, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng thích ứng nhanh với chuyển đổi số và xu hướng kinh tế xanh. Sự kết hợp hài hòa giữa chiến lược phát triển nội tại và định hướng chính sách từ Nhà nước sẽ là chìa khóa giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng qua đó tạo đòn bẩy cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới./.

(Yến Hoa)

NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH TRONG ISO 9001: 2026

Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) đang trong quá trình hoàn thiện phiên bản mới của tiêu chuẩn ISO 9001 về hệ thống quản lý chất lượng, dự kiến sẽ được ban hành vào tháng 9/2026. Phiên bản này hứa hẹn mang đến nhiều cải tiến nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của môi trường kinh doanh hiện đại và thúc đẩy chất lượng trong tổ chức.

Quá trình sửa đổi ISO 9001



Quá trình sửa đổi ISO 9001 được khởi động từ tháng 11/2023, khi Ủy ban Kỹ thuật ISO/TC 176 thành lập Nhóm công tác 29 (WG29) để bắt đầu công việc. Đến tháng 12/2023, WG29 đã họp lần đầu tại London, Anh để xây dựng bản Dự thảo làm việc (Working Draft - WD). Từ tháng 2 đến tháng 4/2024, nhóm đã xem xét các ý kiến thu thập được để xây dựng Dự thảo Ủy ban (Committee Draft - ISO/CD 9001).

Tuy nhiên, do bản CD chưa sẵn sàng để chuyển sang Dự thảo Tiêu chuẩn Quốc tế (DIS) và còn nhiều vấn đề về cấu trúc cần được xem xét, ISO/TC 176/SC 2 đã quyết định cần có bản Dự thảo Ủy ban thứ hai (CD2) vào tháng 7/2024. Đến tháng 9/2024, WG29 đã họp để xem xét hơn 1.600 ý kiến từ các chuyên gia toàn cầu và quyết định kéo dài thời gian phát triển tiêu chuẩn thêm 12 tháng so với kế hoạch ban đầu.

Các giai đoạn tiếp theo dự kiến gồm hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO/DIS 9001) vào tháng 7/2025 và Dự thảo Tiêu chuẩn Quốc tế cuối cùng (ISO/FDIS 9001) vào tháng 4/2026, sau đó bỏ phiếu thông qua để ban hành chính thức vào tháng 9/2026.

Những thay đổi chính trong ISO 9001:2026

Phiên bản mới của ISO 9001 sẽ giữ nguyên cấu trúc cốt lõi, tiếp tục duy trì các nguyên tắc quản lý chất lượng, cách tiếp cận quá trình theo chu trình PDCA và tư duy dựa

trên rủi ro. Tuy nhiên, sẽ có một số cải tiến đáng chú ý:

Thay đổi tiêu đề tiêu chuẩn: Tiêu đề hiện tại “Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu” sẽ được chuyển thành “Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng”. Nội dung hướng dẫn trong tiêu chuẩn ISO/TS 9002:2016 dự kiến sẽ được đưa vào Phụ lục A của ISO 9001.

Bổ sung yêu cầu về đạo đức và liêm chính: Phiên bản mới sẽ bổ sung yêu cầu về đạo đức và liêm chính trong thực hành của lãnh đạo doanh nghiệp và khuyến khích thúc đẩy các nguyên tắc này trong toàn bộ tổ chức.

Bổ sung yêu cầu về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị và văn hóa chất lượng: Văn hóa chất lượng sẽ được liên kết với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị của doanh nghiệp, tạo động lực cho việc xây dựng và duy trì chất lượng.

Chú trọng đến biến đổi khí hậu: Phiên bản mới sẽ chú ý hơn đến vấn đề biến đổi khí hậu, yêu cầu tổ chức xác định xem đây có phải là vấn đề liên quan đến bối cảnh hoạt động và các bên quan tâm hay không.

Về thời gian chuyển đổi, các tổ chức, doanh nghiệp đã chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 sẽ có thời hạn 3 năm để chuyển đổi sang phiên bản mới. Sau tháng 9/2029, chứng nhận theo ISO 9001:2015 sẽ không còn hiệu lực./.

(Thanh Thúy)

ĐẾN NHỮNG CÂY KEM CŨNG CẦN PHẢI ĐẢM BẢO BẰNG TIÊU CHUẨN

Không ít người biết rằng để làm ra những cây kem giải nhiệt mùa hè cần bao nhiêu công đoạn, và càng ít người để ý rằng, để có những cây kem chất lượng cũng cần phải đảm bảo bằng tiêu chuẩn.

Theo ước tính, mỗi năm, trên thế giới đã tiêu thụ khoảng 15 tỷ lít kem. Nếu như trước đây, ở thế kỉ 19-20, kem được xem là món ăn xa xỉ, chỉ dành cho giới quý tộc bởi chu trình làm và bảo quản kem rất cầu kì, thì nay, nhờ

khoa học phát triển, kem đã trở thành một món ăn phổ biến, bình dân hơn.

Khởi điểm đầu tiên, kem được làm bằng máy quay tay, sau này, công nghệ ra đời và đã phát triển thành máy làm lạnh, giúp bảo quản kem được lâu hơn. Tuy nhiên, một vấn đề khó khăn xuất hiện, hầu hết các tủ đông trữ kem đều rất nặng, đắt tiền và tốn không ít nguồn điện năng mỗi năm. Mặt khác, chúng phải đối mặt với một khó khăn lớn là an toàn điện năng.



không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với thiết bị khác. Tiêu chuẩn này cũng đề cập đến các thiết bị kiểu nén dùng trong gia đình và các mục đích sử dụng tương tự, sử dụng chất làm lạnh dễ cháy. Tiêu chuẩn này không đề cập đến các đặc điểm về kết cấu và hoạt động của các thiết bị lạnh được đề cập trong các tiêu chuẩn IEC khác.

Tất cả vấn đề trên đều cần xây dựng một khung tiêu chuẩn chung để giải quyết và IEC cũng đã ban hành đề xuất, hỗ trợ tính an toàn và hiệu suất của tủ lạnh, tủ đông và tất cả các thiết bị cần thiết cho ngành công nghiệp kem tồn tại. Loạt tiêu chuẩn trong bộ IEC 62552 đã xác định các tiêu chí về tính an toàn, hiệu suất và mức tiêu thụ năng lượng của tủ lạnh.

Ngoài ra, IEC cũng đã ban hành thêm hai tiêu chuẩn cụ thể để tối ưu hóa an toàn điện năng đối với các loại máy làm kem. Tiêu chuẩn IEC 60335-2-118, quy định các yêu cầu về an toàn đối với máy làm kem chuyên nghiệp như cửa hàng kem và quán cà phê. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho các loại thiết bị sau: Máy trộn để làm kem và các sản phẩm bánh ngọt tương tự, trong đó, để chế biến sản phẩm, quá trình gia nhiệt được thực hiện bên trong thiết bị trước khi quá trình làm mát được thực hiện; Thiết bị để lưu trữ hỗn hợp kem tươi trong một thùng lạnh và để đánh kem cho quá trình giao hàng.

Và tiêu chuẩn IEC 60335-2-24, quy định các yêu cầu về an toàn đối với các thiết bị làm kem trong nhà. Tiêu chuẩn này cũng đề cập đến sự an toàn của thiết bị làm kem, làm đá dùng trong gia đình, điện áp danh định của chúng

Mặt khác, tiêu chuẩn IEC 60335-2-24 này không áp dụng cho: Thiết bị được thiết kế để sử dụng ngoài trời; Thiết bị được thiết kế dành riêng cho mục đích công nghiệp; Thiết bị được thiết kế để sử dụng ở những nơi có các điều kiện đặc biệt phổ biến, chẳng hạn như có môi trường ăn mòn hoặc dễ nổ (bụi, hơi hoặc khí); Thiết bị có lắp pin được thiết kế làm nguồn điện cho chức năng làm lạnh; Thiết bị pha chế thương mại và thiết bị bán hàng tự động (IEC 60335-2-75).

Cả hai tiêu chuẩn này đều đã được cập nhật gần đây để đảm bảo chúng luôn phù hợp với công nghệ và nghiên cứu mới nhất cũng như phù hợp với từng yêu cầu môi trường, hoàn cảnh. Bởi mỗi một tiêu chuẩn được ban hành phục vụ riêng cho từng loại máy với công suất, kích cỡ riêng.

Tất cả các tiêu chuẩn này đều có thể được thử nghiệm theo Hệ thống IEC về Chương trình đánh giá sự phù hợp cho Thiết bị và Linh kiện điện tử (IECEE). IECEE đảm bảo rằng các sản phẩm được thử nghiệm và chứng nhận đáp ứng các mức độ nghiêm ngặt nhất về an toàn, độ tin cậy và hiệu suất theo quy định của các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan../.

(Tiến Đông)

SINGAPORE CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ CHẤT KHỬ TRÙNG KHÁNG KHUẨN

Trung tâm Xuất sắc về Quy định của Duke-NUS - Tổ chức Phát triển Tiêu chuẩn (CoRE-SDO) và Enterprise Singapore (EnterpriseSG) đã thông qua và được sự chấp nhận của Hội đồng Tiêu chuẩn Singapore (SSC) ban hành tiêu chuẩn quốc gia về Tiêu chuẩn Singapore 705 (SS 705) cung cấp phương pháp luận dựa trên khoa học để đánh giá hiệu quả và độ bền của chất khử trùng và lớp phủ kháng khuẩn, kháng nấm và kháng vi-rút để sử dụng trên bề mặt.



Tiêu chuẩn SS 705 sẽ cung cấp cho các nhà sản xuất một khuôn khổ bao quát đáng tin cậy để kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng như cung cấp cho các cơ quan quản lý một bộ điểm tham chiếu đo lường nhất quán để đánh giá và giám sát chất lượng của các chất khử trùng trước khi đem ra thị trường tiêu thụ. Qua đó, người tiêu dùng có thể tin tưởng rằng các sản phẩm này sẽ có tác dụng khử khuẩn và an toàn khi sử dụng trong môi trường kín như: trong nhà, nơi làm việc, v.v.

Việc kiểm tra khắt khe quy trình cũng như chất lượng đầu ra của các sản phẩm khử khuẩn không chỉ đem lại sự tin tưởng của người tiêu dùng trong nước mà còn đem về lợi nhuận không nhỏ. Bởi theo ước tính, thị trường sản phẩm kháng khuẩn dự kiến sẽ đạt 65,7 tỷ đô la Mỹ trên toàn cầu vào năm 2035.

Tiêu chuẩn SS 705 có thể áp dụng cho chất khử trùng bề mặt và lớp phủ trên vật liệu không thấm, bao gồm nhựa, kim loại và gốm sứ với phương pháp thử nghiệm bao gồm lựa chọn vi khuẩn, chuẩn bị nuôi cấy và phân tích kết quả.

“Các phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn như SS 705 đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo độ tin cậy đối với lớp phủ kháng khuẩn trên bề mặt đồ vật”. Tiến sĩ Lim Kaiyang, giám đốc Nghiên cứu, Phát triển và Ứng dụng (APAC) của Corbion, người đứng đầu ủy ban soạn thảo tiêu chuẩn, cho biết: “Với các hướng dẫn rõ ràng, các nhà sản xuất có thể xác thực hiệu quả hiệu suất sản phẩm, bao gồm độ bền và tính ổn định, mang lại cho doanh nghiệp và người tiêu dùng sự tin tưởng lớn hơn vào các sản phẩm cung cấp”.

Do đó, các nhà sản xuất chất khử trùng có thể hoàn toàn tin về chất lượng sản phẩm của mình đưa ra thị trường nếu đảm bảo đúng các tiêu chí yêu cầu của tiêu chuẩn SS 705. Các cơ quan quản lý ngành cũng có thể sử dụng SS 705 để thiết lập mức chuẩn hóa thử nghiệm cơ sở thành chuẩn mực và quy định của ngành.

Sau sự bùng nổ của đại dịch Covid-19, ý thức bảo đảm vệ sinh và an toàn trong không khí, khử trùng các đồ vật xung quanh được người dân cực kỳ chú trọng. Việc sử dụng các sản phẩm khử trùng, khử khuẩn tại các nơi công cộng không chỉ khiến người dân an tâm hơn khi ra đường mà còn là biện pháp nâng cao an toàn sức khỏe của chính phủ đối với người dân. Tuy nhiên, nếu các chất khử khuẩn không được kiểm tra kĩ càng có thể còn sót lại những hóa chất không tốt đối với sức khỏe. Chính vì vậy, việc kiểm tra, giám sát tốt chất lượng của sản phẩm chính minh chứng tốt nhất để khẳng định sản phẩm an toàn, có hiệu quả.

Ngoài ra, trong bản tiêu chuẩn SS 705 cũng quy định rõ phương pháp chuẩn hóa thời

gian của lớp khử khuẩn có tác dụng lên bề mặt đồ vật. Đây là điều mà các sản phẩm trước đó chưa thể đáp ứng được.

Giáo sư John Lim, giám đốc điều hành Trung tâm Quản lý Xuất sắc tại Duke-NUS, cho biết thêm: "Điều này giúp các cơ quan quản lý, nhà sản xuất và người tiêu dùng đưa ra những lựa chọn sáng suốt hơn để tăng cường bảo vệ

sức khỏe cộng đồng".

Được biết, tiêu chuẩn SS 705 được phát triển bởi Nhóm công tác về Bảo vệ chống vi khuẩn, bao gồm đại diện từ Chính phủ Singapore, các hiệp hội ngành địa phương, các cơ quan thử nghiệm và chứng nhận, các viện nghiên cứu và các bên liên quan trong ngành./

(Yến Hoa)

ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CỎ NHÂN TẠO TRONG CÁC KHU VUI CHƠI

Ủy ban thiết bị thể thao, bề mặt sân chơi và cơ sở vật chất của ASTM International (F08) đang đề xuất xây dựng một tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các thông số kỹ thuật, mua, lắp đặt và bảo trì cỏ nhân tạo cho bề mặt sân chơi.



Cỏ nhân tạo là một sản phẩm được sản xuất từ sợi tổng hợp mô phỏng lại các loại cỏ trong tự nhiên nhưng lợi thế hơn vì hoàn toàn đảm bảo tính thẩm mỹ cao bên cạnh việc giúp cho người dùng tiết kiệm được thời gian và chi phí bảo dưỡng nhiều lần trong quá trình sử dụng. Nguyên liệu làm cỏ nhân tạo thường là sợi đay, Plastic hoặc Polyeste. Cỏ chất lượng cao sẽ được làm bằng Polyeste hoặc Polyethylene. Các nguyên liệu sau khi được xử lý xem đem trộn theo các tỷ lệ nhất định và cùng với chất tạo màu, hóa chất để bảo vệ cỏ khỏi tia cực tím (cỏ chất lượng thấp không có lớp bảo vệ tia cực tím và rất nhanh mục). Lớp

đế của cỏ nhân tạo thông thường sẽ có 2 hoặc 3 lớp, thường được làm bằng vải cứng, vải lưới và lớp keo.

"Cỏ nhân tạo đã được sử dụng trên các sân thể thao từ những năm 1960 nhưng trong những năm gần đây cũng được sử dụng cho bề mặt sân chơi", thành viên ASTM, ông Jeff Mrakovich cho biết. "Mặc dù không có tiêu chuẩn cụ thể nào cho cỏ nhân tạo được sử dụng trên sân chơi, nhưng có rất nhiều phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn được sử dụng trên các sân thể thao".

Ông Mrakovich cũng lưu ý rằng các thử nghiệm được mô tả trong các tiêu chuẩn sân thể thao này cũng có liên quan đến sân chơi. Các thử nghiệm này bao gồm đặc tính của cỏ nhân tạo, bao gồm độ bền, khả năng bắt lửa, sự hiện diện của kim loại nặng hoặc các chất độc hại khác có thể có và khả năng thoát nước.

Ngoài ra, ông cũng cho biết thêm: "Hướng dẫn được đề xuất sẽ giúp người tiêu dùng hay các doanh nghiệp biết những điều cần hỏi khi mua sản phẩm cỏ nhân tạo cho sân chơi của mình và liệu cỏ nhân tạo có phải là bề mặt phù hợp với nhu cầu cụ thể của họ về mặt an toàn, bảo trì và bảo dưỡng hay không".

Mặt khác, việc sử dụng cỏ nhân tạo có thể tiết kiệm hàng triệu gallon nước mỗi năm, tùy thuộc vào khí hậu và cách sử dụng tại địa phương, đồng thời giảm nhu cầu sử dụng hóa chất độc hại. Cỏ nhân tạo giúp loại bỏ nhu cầu

sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc diệt nấm và thuốc diệt cỏ, những thứ được sử dụng để duy trì cỏ và có thể gây ô nhiễm nước.

Trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, nhằm đảm bảo tính khách quan và thực tiễn khi áp dụng tiêu chuẩn, ASTM đang kêu gọi sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan, nhằm xây dựng một bản thảo hoàn thiện nhất. Trong đó, các thành viên ASTM hiện tại làm việc tại các tiểu ban về bề mặt và hệ thống cỏ nhân tạo (F08.65) và hệ thống bề mặt sân chơi (F08.63) đặc biệt được khuyến khích tham gia.

Tại Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ đã từng công bố tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 13514-1:2022 Mặt sân thể thao – Mặt cỏ nhân tạo và dạng thảm có lỗ dùng cho các môn thể thao ngoài trời – Phần 1: Các yêu cầu đối với mặt sân cỏ nhân tạo dùng cho bóng đá, khúc côn cầu, tập luyện bóng bầu dục, quần vợt và thể thao đa năng.

Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu về tính năng, độ bền, nhận biết sản phẩm và thử nghiệm đối với mặt cỏ nhân tạo dùng trong thể thao chuyên sử dụng ngoài trời. Có năm loại mặt sân, mỗi loại dựa trên mục đích sử dụng cho loại hình thể thao chính như sau: Mặt sân dùng cho khúc côn cầu; Mặt sân dùng cho bóng

đá; Mặt sân dùng cho tập luyện bóng bầu dục; Mặt sân dùng cho quần vợt; Mặt sân thể thao đa năng.

Các yêu cầu dự định áp dụng cho các mặt sân sử dụng cho hoạt động thể thao của cộng đồng, hoạt động giáo dục thể chất và thể thao giải trí. Đối với thi đấu chuyên nghiệp và ở trình độ cao, các cơ quan quản lý thể thao có thể ban hành những quy định kỹ thuật riêng khác với các nội dung quy định của tiêu chuẩn này và các nhà thiết kế công trình thể thao cần bảo đảm rằng mặt sân mà họ cung cấp có tính năng đáp ứng chính xác trình độ thi đấu trên sân.

Tiêu chuẩn này gồm hai phần. Phần 1 mô tả các yêu cầu đối với thử nghiệm sản phẩm trong phòng thử nghiệm nhằm đảm bảo sản phẩm có khả năng cung cấp các tính năng thể thao theo trình độ yêu cầu và sự tương tác người chơi/mặt sân được yêu cầu cho mục đích sử dụng dự kiến và để đảm bảo chúng được sản xuất từ những vật liệu có chất lượng chấp nhận được. Phần 2 mô tả các yêu cầu đối với các mặt sân để đảm bảo rằng các tính năng thể thao và sự tương tác người chơi/mặt sân của khu thể thao phù hợp với mục đích sử dụng dự kiến./.

(Nguyễn Nhung)

LOẠI BỎ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RAU QUẢ TƯƠI THEO TCVN 9994:2024

TCVN 9994:2024 đưa ra yêu cầu về vấn đề vệ sinh môi trường, đó là, khi có thể, cần xác định các nguồn có khả năng gây ô nhiễm môi trường trước khi tiến hành các hoạt



động sản xuất ban đầu. Đặc biệt, quá trình sản xuất ban đầu không được thực hiện ở những vùng có mặt các chất gây hại ở mức không thể chấp nhận được bên trong hoặc trên rau quả tươi sau thu hoạch.

TCVN 9994:2024 về Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi thay thế TCVN 9994:2013. Tiêu chuẩn này do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F10 Rau quả và sản phẩm rau quả biên soạn, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Trong đó, TCVN 9994:2024 đưa ra yêu cầu về vấn đề vệ sinh môi trường, đó là, khi có

thể, cần xác định các nguồn có khả năng gây ô nhiễm môi trường trước khi tiến hành các hoạt động sản xuất ban đầu. Đặc biệt, quá trình sản xuất ban đầu không được thực hiện ở những vùng có mặt các chất gây hại ở mức không thể chấp nhận được bên trong hoặc trên rau quả tươi sau thu hoạch.

Nếu có thể, người trồng cần đánh giá việc sử dụng các khu vực sản xuất ban đầu (cả bên trong và bên ngoài khu vực) ở hiện tại và trước đó, cũng như các khu vực tiếp giáp để xác định các mối nguy vi sinh vật tiềm ẩn. Các loại ô nhiễm tiềm ẩn khác (ví dụ như từ hóa chất nông nghiệp, khu vực khai thác dầu mỏ, chất thải nguy hại) cũng cần được xem xét.

Trường hợp không thể xác định được việc sử dụng trước đó hoặc kiểm tra các khu vực trồng trọt hoặc vùng lân cận dẫn đến mối nguy tiềm ẩn thì những nơi này cần được phân tích về các chất gây ô nhiễm cần quan tâm. Việc đánh giá các điều kiện môi trường đặc biệt quan trọng do không thể thực hiện các bước tiếp theo để loại bỏ chất ô nhiễm nếu chúng xuất hiện trong quá trình sản xuất và trong một số trường hợp có thể dẫn đến tạo môi trường cho vi sinh vật gây bệnh phát triển.

Nếu môi trường có nguy cơ ô nhiễm khu

vực sản xuất ban đầu thì phải thực hiện các biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm tại khu vực sản xuất rau quả tươi. Các khu vực sản xuất có nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng thì không được sử dụng để sản xuất rau quả tươi.

Mặt khác, tiêu chuẩn này cũng đưa ra yêu cầu đối với địa điểm của khu vực sản xuất, trong đó cần đánh giá địa điểm khu vực sản xuất, bao gồm cả độ dốc, khả năng thoát nước (kể cả từ nguồn phân bón), nguy cơ ngập lụt và các đặc tính thủy văn gần khu vực sản xuất ban đầu.

Các khu vực sản xuất có nguy cơ cao như các cơ sở chăn nuôi, bãi thải nguy hại và các cơ sở xử lý chất thải cần phải được đánh giá về khả năng ô nhiễm cho đồng ruộng sản xuất hoặc nguồn nước nhiễm vi sinh vật hoặc các mối nguy về môi trường khác.

Hơn nữa, đối với nguồn nước dùng cho sản xuất ban đầu, cần đảm bảo có sẵn nguồn cung cấp đầy đủ nước với chất lượng phù hợp để sử dụng cho các hoạt động khác nhau trong quá trình sản xuất ban đầu rau quả tươi. Nguồn nước được sử dụng cho quá trình sản xuất ban đầu và phương pháp phân phối có thể ảnh hưởng đến nguy cơ ô nhiễm rau quả tươi../.
(Tiến Đông)

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN HÓA XANH TẠO THUẬN LỢI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CHO DOANH NGHIỆP

Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa đang phải đối mặt với nhiều luật chơi mới, áp lực mới về yêu cầu tiêu chuẩn xanh, bền vững từ các thị trường trên thế



giới. Đây là thách thức cũng là cơ hội giúp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh và xây dựng vị thế trên trường quốc tế.

Chia sẻ về vấn đề trên, bà Phạm Thị Ngọc Thủy - Giám đốc Văn phòng Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (Ban IV) cho biết, như thị trường châu Âu đã xuất hiện thêm các yêu cầu mới, khó hơn hơn liên quan đến phát triển bền vững. Điển hình là Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) áp cho sản phẩm của một số ngành sản xuất công nghiệp có phát thải cao như: sắt, thép, nhôm, phân bón, điện...

Cụ thể, hàng hóa ở những lĩnh vực này nếu xuất sang châu Âu sẽ phải tuân thủ các yêu

cầu kỹ thuật liên quan tới giảm thiểu dấu chân carbon. Trong trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo mức phát thải như yêu cầu sẽ có các cơ chế bổ sung như thuế.

Hay vào tháng 6/2023, EU đã ban hành Quy định chống mất rừng (EUDR) được áp dụng từ tháng 1/2025 và vừa tuyên bố hoãn thực thi 1 năm tới tháng 1/2026. Theo đó, sẽ cấm nhập khẩu 7 nhóm mặt hàng (cà phê, dầu cọ, gỗ, cao su, thịt bò, ca cao và đậu) vào EU nếu quá trình sản xuất các mặt hàng này gây mất rừng tự nhiên hoặc không đảm bảo các yếu tố hợp pháp.

Một số thị trường khác như Nhật Bản, Hàn Quốc,... cũng đưa ra các quy định pháp lý tương tự thị trường châu Âu, thúc đẩy mạnh mẽ các chương trình mua sắm xanh. Nếu sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn xanh thì thị trường sẽ tìm kiếm, chuyển sang lựa chọn nhà cung cấp khác.

Các chuyên gia cho rằng, doanh nghiệp muốn tham gia chuỗi cung ứng thì phải tuân thủ các quy định của đối tác và cam kết của Việt

Nam trong quá trình hội nhập. Thách thức của doanh nghiệp Việt Nam với quy trình này rất lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp vốn chỉ chú trọng phát triển theo bề rộng.

Vì vậy, doanh nghiệp cần đặt ra yêu cầu về việc tuân thủ các cam kết tiêu chuẩn của ngành hàng, đặc biệt là cam kết về môi trường; tuân thủ quy định liên quan, các cam kết của Việt Nam đã được Chính phủ và các bộ, ngành công bố để đảm bảo thích ứng, tránh vi phạm các quy định nước ngoài và trong nước.

Đồng thời, xây dựng những chiến lược dài hạn để từng bước chủ động tiến tới đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững của đối tác. Đồng thời, doanh nghiệp nên tham gia các hiệp hội để nhận được thông tin cập nhật, chia sẻ kinh nghiệm, giảm thiểu chi phí phải bỏ ra, tránh lặp lại sai lầm của người đi trước. Nhà nước cũng cần xây dựng các cẩm nang, sổ tay, hỏi đáp, tổ chức các chương trình hội thảo, tọa đàm,... để đa dạng hoá hình thức hỗ trợ, thông tin cho doanh nghiệp./.

(Nguyễn Nam)

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN DỰA TRÊN CĂN CỨ NÀO?

Tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên một hoặc những căn cứ sau đây: Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật; Kinh nghiệm

thực tiễn; Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định.

Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này.

Tiêu chuẩn bao trùm hàng loạt các lĩnh vực trong đời sống xã hội như công nghệ, xây dựng, quản lý, sức khỏe,... Tiêu chuẩn mang lại nhiều lợi ích, có thể kể đến như: Thúc đẩy thương mại; Tăng cường bảo vệ quyền lợi cũng như sự tin cậy từ người tiêu dùng; Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, hạn chế các sản phẩm sai lỗi; Giảm thiểu



các tác động từ môi trường; Giảm tai nạn lao động;...

Các tiêu chuẩn, quy định được đề ra về sản phẩm, dịch vụ hay quá trình được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện. Các tiêu chuẩn này thường được tạo nên bởi một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để mọi người tự nguyện áp dụng. Mặc dù nguyên tắc tự nguyện nhưng sẽ có một phần hoặc toàn bộ tiêu chuẩn nhất định bắt buộc áp dụng khi có hướng dẫn cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật.

Theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bao gồm 5 loại: Thứ nhất là Tiêu chuẩn cơ bản – Tiêu chuẩn cơ bản quy định những đặc tính, yêu cầu áp dụng chung cho một phạm vi rộng hoặc chứa đựng các quy định chung cho một lĩnh vực cụ thể; Thứ hai là Tiêu chuẩn thuật ngữ - Quy định tên gọi, định nghĩa đối với đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn; Thứ ba là Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật – Quy định về mức, chỉ tiêu, yêu

cầu đối với đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn;

Thứ tư là Tiêu chuẩn phương pháp thử - Quy định phương pháp lấy mẫu, phương pháp đo, phương pháp xác định, phương pháp phân tích, phương pháp kiểm tra, phương pháp khảo nghiệm, phương pháp giám định các mức, chỉ tiêu, yêu cầu đối với đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn; Thứ năm là Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản - Quy định các yêu cầu về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản sản phẩm, hàng hoá.

Được biết, tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên một hoặc những căn cứ sau đây: Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật; Kinh nghiệm thực tiễn; Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định./.

(Minh Trang)

TIÊU CHUẨN MỚI ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG THẤM MÁU CỦA KHẨU TRANG Y TẾ

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14269:2025 về phương pháp thử khả năng chống thấm máu nhân tạo của khẩu trang y tế, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn cho người sử dụng, đặc biệt là nhân

viên y tế trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao.

Tiêu chuẩn TCVN 14269:2025 được ban hành ngày 22/01/2025, quy định phương pháp thử nghiệm trong phòng thí nghiệm nhằm đo khả năng ngăn chặn sự thấm xuyên của máu

nhân tạo qua khẩu trang y tế. Đây là bước tiến quan trọng trong việc kiểm soát chất lượng các sản phẩm bảo hộ cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh các nguy cơ lây nhiễm qua đường máu và dịch cơ thể ngày càng gia tăng tại các cơ sở y tế.

Theo nội dung tiêu chuẩn, phương pháp thử được xây dựng dựa trên nguyên lý mô phỏng tình huống thực tế: máu từ mạch



máu bị chọc thủng có thể bắn vào khẩu trang. Để tái hiện điều kiện này, một lượng máu nhân tạo được phun ngang vào bề mặt mẫu khẩu trang trong khoảng thời gian được kiểm soát. Mẫu khẩu trang sau đó được đánh giá ở ba mức áp suất tương ứng với các mức huyết áp của con người: 10,6 kPa, 16,0 kPa và 21,3 kPa.

Tiêu chí đánh giá rất rõ ràng: nếu phát hiện bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy máu nhân tạo thấm qua mặt trong của khẩu trang – tức là phần tiếp xúc trực tiếp với người đeo – mẫu thử được coi là không đạt yêu cầu.

Thiết bị sử dụng trong thử nghiệm bao gồm một giá đỡ mẫu, bình chứa dịch lỏng, hệ thống van kiểm soát khí nén, bộ điều khiển van phun và một ống thông đường kính nhỏ để phun dịch. Ngoài ra, tiêu chuẩn khuyến khích sử dụng tấm nhắm mục tiêu – một công cụ hỗ trợ định vị chính xác dòng phun vào trung tâm

khẩu trang – nhằm đảm bảo kết quả thử nghiệm có độ tin cậy cao.

Tuy nhiên, TCVN 14269:2025 không đánh giá các đặc tính khác của khẩu trang như khả năng lọc, độ thoáng khí hay hiệu quả phòng chống các hạt khí dung. Mục tiêu chính của tiêu chuẩn là đánh giá khả năng chống thấm máu – một trong những tiêu chí quan trọng trong môi trường phẫu thuật, cấp cứu hoặc chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm.

Việc áp dụng TCVN 14269:2025 được kỳ vọng sẽ hỗ trợ các nhà sản xuất trong việc cải thiện chất lượng khẩu trang, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho cơ quan quản lý và cơ sở y tế trong công tác kiểm tra, đánh giá và lựa chọn sản phẩm phù hợp. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ đội ngũ nhân viên y tế và cộng đồng trước các nguy cơ lây nhiễm qua đường máu./.

(Yến Hoa)

TIÊU CHUẨN HÓA – NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THÔNG MINH

Trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh chóng và nhu cầu đi lại ngày càng gia tăng, phát triển giao thông thông minh (ITS - Intelligent Transportation Systems) đang trở thành một trong những giải pháp chiến lược nhằm giải quyết bài toán ùn tắc, tai nạn và ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn. Trong đó, việc xây dựng và áp dụng hệ

thống tiêu chuẩn đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững và hiệu quả của ITS.

Giao thông thông minh là hệ thống tích hợp các công nghệ hiện đại như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), cảm biến và mạng truyền thông để thu thập, phân tích, xử lý và chia sẻ thông tin giao thông theo thời gian thực. Qua đó, hệ thống



giúp cải thiện khả năng điều hành giao thông, tối ưu hóa di chuyển, giảm thiểu tai nạn và nâng cao trải nghiệm cho người tham gia giao thông.

Tuy nhiên, để giải pháp công nghệ phát huy hiệu quả trong thực tế, yếu tố không thể thiếu chính là các tiêu chuẩn kỹ thuật. Tiêu chuẩn giúp đảm bảo tính tương thích giữa các thiết bị, hệ thống của nhiều

nhà cung cấp khác nhau, hỗ trợ khả năng tích hợp, mở rộng và liên kết trong toàn hệ sinh thái giao thông thông minh. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn cũng tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và nhà đầu tư dễ dàng định hướng chiến lược phát triển, triển khai đồng bộ và kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ ITS.

Tại Việt Nam, thời gian qua, một số tiêu chuẩn đã được nghiên cứu, xây dựng và áp dụng trong lĩnh vực giao thông thông minh. Tiêu biểu có thể kể đến tiêu chuẩn về thiết bị thu phí điện tử không dừng (ETC), tiêu chuẩn truyền dữ liệu trong hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông, tiêu chuẩn camera giám sát và xử lý vi phạm giao thông... Các tiêu chuẩn này không chỉ giúp tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản phẩm công nghệ phù hợp với thực tiễn trong nước.

Việc áp dụng ITS thông qua chuẩn hóa mang lại nhiều lợi ích cụ thể. Người tham gia giao thông có thể cập nhật thông tin về tình trạng đường sá, mật độ phương tiện, tai nạn, thời gian di chuyển dự kiến, từ đó lựa chọn lộ

trình hợp lý. Các trung tâm điều hành giao thông có thể giám sát, xử lý sự cố và điều tiết luồng phương tiện một cách linh hoạt và nhanh chóng. Ngoài ra, các giải pháp ITS còn góp phần giảm phát thải khí nhà kính nhờ tối ưu hóa tốc độ và giảm thời gian chờ đèn đỏ, ùn tắc.

Tuy nhiên, để phát triển giao thông thông minh một cách toàn diện, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhiều bên: từ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp công nghệ, đơn vị vận hành hạ tầng đến người dân. Trong đó, đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật số, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, cũng như xây dựng hành lang pháp lý phù hợp là những điều kiện cần thiết để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông.

Trong xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần tích cực tiếp cận và hội nhập với các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với điều kiện trong nước. Đây chính là chìa khóa giúp các giải pháp giao thông thông minh phát triển đúng hướng, phục vụ mục tiêu xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, an toàn và bền vững./.

(Thanh Thúy)

ASTM CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN MỚI HỖ TRỢ QUẢN LÝ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN

Tiêu chuẩn do ASTM International công bố đang mở ra hướng đi mới trong việc giám sát và xử lý nước mưa chảy tràn, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ nguồn nước.



Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA), nước mưa chảy tràn bao gồm nước mưa hoặc tuyết tan chảy từ đường phố, bãi cỏ và các khu vực khác – thường không được kiểm soát và có thể mang theo nhiều chất ô nhiễm như kim loại nặng, hóa chất độc hại và PFAS (các hợp chất per- và polyfluoroalkyl), tùy thuộc vào khu vực thoát nước.

Để đối phó với vấn đề này, ngành công nghiệp kiểm soát nước mưa đã phát triển các biện pháp kiểm soát nước mưa (SCM) nhằm xử lý và giảm nồng độ chất ô nhiễm trong dòng chảy. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp này đòi hỏi phải có phương pháp thử nghiệm và tiêu chuẩn hóa đáng tin cậy.

Mới đây, Ủy ban E64 về các biện pháp kiểm soát nước mưa của ASTM đã công bố tiêu

chuẩn E3400, cung cấp phương pháp thu thập mẫu nước mưa đầu vào và đầu ra bằng cách sử dụng máy lấy mẫu tự động có trọng số dòng chảy. Tiêu chuẩn nhằm hỗ trợ việc đánh giá khả năng loại bỏ chất ô nhiễm của các biện pháp kiểm soát nước mưa khác nhau.

Carla Milesi, Phó Chủ tịch của ASTM International cho biết: "Nhiều người trong ngành của chúng tôi tìm đến các tiêu chuẩn ASTM để đảm bảo mọi thứ được thực hiện tốt. Vì vậy, chúng tôi muốn neo các giao thức STEPP mới vào một tiêu chuẩn có thể được sử dụng để chỉ đạo việc thu thập mẫu. Nhưng chúng tôi cũng muốn nó đủ rộng để bất kỳ ai muốn thu thập loại dữ liệu này đều có thể sử dụng dù là nhà sản xuất muốn thu thập một vài mẫu về hiệu suất công nghệ của họ hay các nhà nghiên cứu tại trường đại học muốn xem một rãnh thoát nước hoạt động tốt như thế nào".

Tiêu chuẩn E3400 không chỉ cung cấp hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng máy lấy mẫu

tự động mà còn đề cập đến các yếu tố quan trọng như vị trí lắp đặt máy đo lưu lượng, cách hiệu chuẩn máy lấy mẫu để thu thập mẫu có trọng số dòng chảy và các cân nhắc khác liên quan đến việc thu thập mẫu nước mưa.

Việc áp dụng tiêu chuẩn này giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào thu thập mẫu thủ công trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, đồng thời cung cấp dữ liệu chính xác và đáng tin cậy về hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nước mưa. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đô thị hóa đang gia tăng, dẫn đến áp lực lớn hơn lên hệ thống thoát nước và môi trường.

Tiêu chuẩn E3400 được kỳ vọng sẽ trở thành công cụ hữu ích cho các nhà nghiên cứu, nhà sản xuất và cơ quan quản lý trong việc đánh giá và cải thiện các biện pháp kiểm soát nước mưa, góp phần bảo vệ nguồn nước và môi trường sống./.

(Minh Trang)



CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 04/2025

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 10778:2024**

Hồ chứa nước. Xác định các mực nước đặc trưng

Số trang:77

Thay thế: TCVN 10778:2015

TCVN 12326-2:2025

Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật – Phần 2: Xác định độ chống thấm

Số trang:13

TCVN 12326-4:2025

Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật – Phần 4: Xác định khả năng chống suy giảm do hóa chất

Số trang:14

TCVN 12671-4-1:2025

Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV – Phần 4-1: Cáp dùng cho sạc điện một chiều theo theo chế độ 4 của TCVN 13078-1 (IEC 61851-1) – Sạc điện một chiều không sử dụng hệ thống quản lý nhiệt

Số trang:19

TCVN 12671-4-2:2025

Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV – Phần 4-2: Cáp dùng cho sạc điện một chiều theo theo chế độ 4 của TCVN 13078-1 (IEC 61851-1) – Cáp được thiết kế để sử dụng với hệ thống quản lý nhiệt

Số trang:23

TCVN 13877-1:2025

Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy bằng bột –

Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử đối với từng bộ phận

Số trang:28

TCVN 14210:2024

Chuồng nuôi các loài linh trưởng – Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:16

TCVN 14224:2025

Nhà máy nhiệt điện. Thí nghiệm xác định các đặc tính kỹ thuật lò hơi đốt nhiên liệu

Số trang:274

TCVN 14247:2024

Rừng tự nhiên. Phương pháp xác định các chỉ số tiêu nghiệm thu

Số trang:24

TCVN 14265:2025

Găng tay bảo vệ cho người làm việc với thuốc trừ sâu và người làm việc sau phun. Yêu cầu tính năng

Số trang:21

TCVN 14266:2025

Găng tay bảo vệ. Yêu cầu chung và phương pháp thử

Số trang:31

TCVN 14267:2025

Găng tay bảo vệ chống rủi ro cơ học

Số trang:33

TCVN 14268:2025

Quần áo bảo vệ chống hóa chất. Phân loại, ghi nhãn và yêu cầu tính năng

Số trang:52

TCVN 14269:2025

Trang phục bảo vệ chống lại tác nhân lây nhiễm – Khẩu trang y tế – Phương pháp thử độ chống

thấm máu nhân tạo (thể tích cố định, phun theo phương ngang)

Số trang:28

TCVN 14272-1:2024

Hệ thống tưới tiêu. Tưới phun mưa. Phần 1: Tưới cho cây công nghiệp ngắn ngày

Số trang:27

Thay thế: TCVN 9170:2012

TCVN 14272-2:2024

Hệ thống tưới tiêu. Tưới phun mưa. Phần 2: Tưới cho cây rau

Số trang:24

Thay thế: TCVN 9170:2012

TCVN 14273:2024

Giảm phát thải khí nhà kính. Chế độ tưới tiết kiệm nước cho lúa

Số trang:23

TCVN 14285-2:2024

Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 2: Hiệu suất sử dụng điện (PUE)

Số trang:33

TCVN 14285-7:2024

Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 7: Tỷ lệ hiệu quả làm mát (CER)

Số trang:23

TCVN 14285-8:2024

Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 8: Hiệu suất Carbon (CUE)

Số trang:26

TCVN 14285-9:2024

Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 9: Hiệu suất sử dụng nước (WUE)

Số trang: 27

TCVN 14286-1:2024

Phương pháp điều tra rừng.

Phần 1: Tầng cây cao

Số trang: 24

TCVN 14286-2:2024

Phương pháp điều tra rừng.

Phần 2: Tầng cây tái sinh

Số trang: 15

TCVN 14286-3:2024

Phương pháp điều tra rừng.

Phần 3: Lâm sản ngoài gỗ

Số trang: 21

TCVN 14287:2024

Phương pháp xác định sinh khối và trữ lượng các-bon rừng

Số trang: 48

TCVN 14288:2024

Bản đồ ngập lụt. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang: 31

TCVN 14289:2024

Giống cây lâm nghiệp. Cây giống keo

Số trang: 23

Thay thế: TCVN 11570-1:2016,

TCVN 11570-2:2016, TCVN

11570-3:2016

TCVN 14290-1:2024

Công trình lâm sinh. Khảo sát và thiết kế. Phần 1: Trồng rừng

trên cạn

Số trang: 26

TCVN 14290-2:2024

Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 2: Khoanh

nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên cạn

Số trang: 26

TCVN 14290-3:2024

Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 3: Làm giàu

rừng tự nhiên trên cạn

Số trang: 27

TCVN 14290-4:2024

Công trình lâm sinh. Khảo sát và thiết kế. Phần 4: Nuôi dưỡng

rừng trên cạn

Số trang: 23

TCVN 14290-5:2024

Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 5: Cải tạo

rừng tự nhiên trên cạn

Số trang: 28

TCVN 14299-1:2025

Quang điện cho tòa nhà – Phần 1: Yêu cầu đối với mô-đun

quang điện tích hợp tòa nhà

Số trang: 27

TCVN 6781-1-1:2025

Mô-đun quang điện (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê

duyet kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu cụ thể đối với thử nghiệm mô-

đun quang điện (PV) tinh thể

silic

Số trang: 16

Thay thế: TCVN 6781-1-1:2017

TCVN 6875:2025

Quần áo bảo vệ. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa. Yêu cầu tính

năng tối thiểu

Số trang: 33

Thay thế: TCVN 6875:2010

TCVN 7026:2025

Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy xách tay – Tính năng

và cấu tạo

Số trang: 81

Thay thế: TCVN 7026:2013

TCVN 7027:2025

Phòng cháy chữa cháy – Bình chữa cháy có bánh xe – Tính

năng và cấu tạo

Số trang: 48

Thay thế: TCVN 7027:2013

TCVN 7205:2025

Quần áo bảo vệ. Bảo vệ chống lửa. Phương pháp thử hạn chế

lửa cháy lan

Số trang: 28

Thay thế: TCVN 7205:2002

TCVN 7206:2025

Quần áo và phương tiện bảo vệ chống nhiệt – Phương pháp thử

độ bền nhiệt đối lưu bằng cách sử dụng lò tuần hoàn không khí

nóng

Số trang: 16

Thay thế: TCVN 7206:2002

TCVN 9149:2024

Công trình thủy lợi – Xác định độ thấm nước của đá bằng

phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan

Số trang: 35

Thay thế: TCVN 9149:2012

TCVN 9547:2025

Quần áo bảo vệ – Bảo vệ chống hóa chất lỏng – Phép đo độ đẩy,

độ lưu lại, và độ thấm của các chế phẩm thuốc trừ sâu lỏng

qua vật liệu làm quần áo bảo vệ

Số trang: 23

Thay thế: TCVN 9547:2013

TCVN ISO 14064-1:2025

Khí nhà kính – Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn định

lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ

tổ chức

Số trang: 103

Thay thế: TCVN ISO 14064-1:2011

TCVN ISO 14064-2:2025

Khí nhà kính. Phần 2: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn định

lượng, giám sát và báo cáo giảm phát thải hoặc tăng cường loại

bỏ khí nhà kính ở cấp độ dự án

Số trang: 66

Thay thế: TCVN ISO 14064-2:2011

TCVN ISO 14064-3:2025

Khí nhà kính. Phần 3: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố khí nhà kính
Số trang:117

Thay thế: TCVN ISO 14064-3:2011

TCVN ISO 14065:2025

Các nguyên tắc chung và yêu cầu đối với các tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận thông tin môi trường

Số trang:67

Thay thế: TCVN ISO 14065:2016

TCVN ISO 14066:2025

Thông tin môi trường – Yêu cầu năng lực đối với đoàn xác nhận giá trị sử dụng và đoàn kiểm tra xác nhận thông tin môi trường

Số trang:52

Thay thế: TCVN ISO 14066:2011

TCVN ISO 14068-1:2025

Quản lý biến đổi khí hậu – Chuyển đổi phát thải ròng bằng không – Phần 1: Trung hòa carbon

Số trang:92

TCVN ISO 14083:2025

Tiêu chuẩn này thiết lập phương pháp chung để định lượng và báo cáo phát thải khí nhà kính (KNK) phát sinh từ vận hành của chuỗi vận chuyển hành khách và hàng hóa.

Số trang:136

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

ISO 1003:2025

Spices and condiments —

Whole/pieces and ground dried ginger (*Zingiber officinale* Roscoe) — Specification

Pages: 9

Replaces: ISO 1003:2008

ISO 10110-11:2025

Optics and photonics — Preparation of drawings for optical elements and systems

Part 11: Non-toleranced data

Pages: 5

Replaces: ISO 10110-11:2016

ISO 10519:2015/Amd 1:2025

Rapeseed — Determination of chlorophyll content —

Spectrometric method

Amendment 1: Preparation of the calibration curve to determine the k factor

Pages: 2

ISO 10924-1:2025

Road vehicles — Circuit breakers

Part 1: Definitions and general test requirements

Pages: 19

Replaces: ISO 10924-1:2016

ISO 10924-2:2025

Road vehicles — Circuit breakers

Part 2: Guidance for users

Pages: 26

Replaces: ISO 10924-2:2014

ISO 10924-3:2025

Road vehicles — Circuit breakers

Part 3: Miniature circuit breakers with tabs (Blade type), Form CB11

Pages: 11

Replaces: ISO 10924-3:2015

ISO 10924-4:2025

Road vehicles — Circuit breakers

Part 4: Medium circuit breakers with tabs (Blade type), Form CB15

Pages: 13

ISO 10924-5:2025

Road vehicles — Circuit breakers

Part 5: Circuit breakers with bolt with rated voltage of 450 V

Pages: 9

Replaces: ISO 10924-5:2016

ISO 11137-1:2025

Sterilization of health care products — Radiation

Part 1: Requirements for the development, validation and

routine control of a sterilization process for medical devices

Pages: 39

Replaces: ISO 11137-1:2006

ISO 11781:2025

Molecular biomarker analysis —

Requirements and guidance for single-laboratory validation of

qualitative real-time polymerase chain reaction (PCR) methods

Pages: 22

ISO 11843-7:2025

Capability of detection

Part 7: Methodology based on stochastic properties of

instrumental noise

Pages: 16

Replaces: ISO 11843-7:2018

ISO 11999-3:2025

PPE for firefighters — Test

methods and requirements for PPE used by firefighters who are

at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while

fighting fires occurring in

structures

Part 3: Clothing

Pages: 23

Replaces: ISO 11999-3:2015

ISO 11999-9:2025

PPE for firefighters — Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while fighting fires occurring in structures

Part 9: Fire hoods

Pages: 15

Replaces: ISO 11999-9:2016

ISO 12855:2025

Electronic fee collection — Information exchange between service provision and toll charging

Pages: 296

Replaces: ISO 12855:2022

ISO 13061-16:2025

Physical and mechanical properties of wood — Test methods for small clear wood specimens

Part 16: Determination of volumetric swelling

Pages: 5

Replaces: ISO 13061-16:2017

ISO 13094:2025

Composites and reinforcement fibres — Carbon fibre reinforced plastics (CFRPs) and metal assemblies — Combined stress test

Pages: 12

ISO 13357-1:2025

Petroleum products — Determination of the filterability of lubricating oils

Part 1: Procedure for oils in the presence of water

Pages: 15

Replaces: ISO 13357-1:2017

ISO 13357-2:2025

Petroleum products —

Determination of the filterability of lubricating oils

Part 2: Procedure for dry oils

Pages: 14

ISO 13391-1:2025

Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamics

Part 1: Framework for value chain calculations

Pages: 33

ISO 13391-2:2025

Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamics

Part 2: Forest carbon balance

Pages: 15

ISO 13391-3:2025

Wood and wood-based products — Greenhouse gas dynamics

Part 3: Displacement of greenhouse gas emissions

Pages: 12

ISO 13357-1:2025

Petroleum products —

Determination of the filterability of lubricating oils

Part 1: Procedure for oils in the presence of water

Pages: 15

Replaces: ISO 13357-1:2017

ISO 14622:2025

Space systems — Structural design — Loads and induced environment

Pages: 10

Replaces: ISO 14622:2000

ISO 14889:2025

Ophthalmic optics — Spectacle lenses — Fundamental requirements for uncut finished lenses

Pages: 7

Replaces: ISO 14889:2013

ISO 15638-23:2025

Intelligent transport systems — Framework for collaborative telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV)

Part 23: Tyre pressure monitoring (TPM)

Pages: 74

ISO 15964:2025

Detection and avoidance systems for uncrewed aircraft systems

Pages: 16

ISO 16123:2025

Ships and marine technology — Marine cranes — Slewing bearings

Pages: 17

ISO 16199:2025

Ships and marine technology — Jacking system appliances on self-elevating unit — Acceptance tests

Pages: 8

ISO 1629:2025

Rubber and latices — Nomenclature

Pages: 6

Replaces: ISO 1629:2013

ISO 16636:2025

Plastics — Disintegration field test of plastics under water environmental conditions

Pages: 17

ISO 16840-12:2021/Amd 1:2025

Wheelchair seating — Part 12: Envelopment and immersion characterization of seat cushions using a dual semispherical indenter

Amendment 1

Pages: 3

ISO 17423:2025

- Intelligent transport systems — Application requirements and objectives
Pages: 33
Replaces: ISO 17423:2018
ISO 17635:2025
Non-destructive testing of welds — General rules for metallic materials
Pages: 15
Replaces: ISO 17635:2016
ISO 17666:2025
Space systems — Programme management — Risk management
Pages: 21
Replaces: ISO 17666:2016
ISO 18483:2025
Performance rating of centrifugal refrigerant compressor
Pages: 10
ISO 18510-1:2025
Measurement of radioactivity in the environment — Bioindicators
Part 1: General guidance to the sampling, conditioning and pre-treatment
Pages: 17
ISO 18650-2:2025
Building construction machinery and equipment — Concrete mixers
Part 2: Procedure for examination of mixing efficiency
Pages: 19
Replaces: ISO 18650-2:2014
ISO 18750:2025
Intelligent transport systems — Local dynamic map
Pages: 68
Replaces: ISO 18750:2018
ISO 19116:2025
Geographic information — Positioning services
Pages: 62
ISO 19223-2:2025
Lung ventilators and related equipment — Vocabulary and semantics
Part 2: High frequency and jet ventilation
Pages: 15
ISO 19932-3:2025
Equipment for crop protection — Knapsack sprayers
Part 3: Inspection of knapsack sprayers in use
Pages: 6
ISO 20188:2025
Space systems — Product assurance requirements for commercial satellites
Pages: 26
ISO 21013-2:2025
Cryogenic vessels — Pressure-relief accessories for cryogenic service
Part 2: Non-reclosable pressure-relief devices
Pages: 6
Replaces: ISO 21013-2:2007/Amd 1:2018
ISO 21109:2025
Nicotine pouches — Test method for pH
Pages: 4
ISO 21207:2025
Corrosion tests in artificial atmospheres — Accelerated corrosion tests involving alternate exposure to corrosion-promoting gases, neutral salt-spray and drying
Pages: 11
Replaces: ISO 21207:2015
ISO 24201:2025
Oil and gas industries including lower carbon energy — Tertiary outfitting structures
Pages: 194
ISO 24255:2025
Essential oil of clary sage (*Salvia sclarea* L.) "prewilted" French type and "chopped" French type
Pages: 9
ISO 24608:2025
Essential oil of lavandin super [*Lavandula x intermedia* Emeric ex Loisel. 'super' (Ex *Lavandula angustifolia* Mill. x *Lavandula latifolia* Medik. 'super')]
Pages: 7
ISO 25110:2025
Electronic fee collection — Interface definition for on-board account using an integrated circuit card (ICC)
Pages: 29
ISO 25639-1:2025
Exhibitions and events. Part 1: Vocabulary
Pages: 14
ISO 29461-4:2025
Air intake filter systems for rotary machinery. Part 4: Test methods for static filter systems in coastal and offshore environments
Pages: 28
ISO 2964:2025
Aerospace — Tubing outside diameters and thicknesses — Metric dimensions
Pages: 2
ISO 30302:2022/Amd 1:2025
Information and documentation — Management systems for records — Guidelines for implementation Amendment 1:

Non conformities, corrective actions and climate change requirements Pages: 1	ISO 3135:2025 Marking pens — Durability of written line — Documentary use (DOC) Pages: 6	ISO 4907-4:2025 Plastics — Ion exchange resinPart 4: Determination of particle size by laser diffraction method Pages: 6	and a cone-and-plate oscillatory rheometer Pages: 20
ISO 3151-2:2025 Visualization elements of PLM-MES interfacePart 2: 3D error feedback in heavy industry Pages: 37	ISO 4997:2025 Cold-reduced carbon steel sheet of structural quality Pages: 8	ISO 505:2025 Conveyor belts — Method for the determination of the tear propagation resistance of textile conveyor belts Pages: 6	ISO 7012-1:2025 Paints and varnishes — Determination of preservatives in water-dilutable coating materialsPart 1: Determination of in-can free formaldehyde Pages: 21
ISO 3451-5:2025 Plastics — Determination of ashPart 5: Poly(vinyl chloride) Pages: 8 Replaces: ISO 3451-5:2002	ISO 5059-1:2025 Geometrical product specifications (GPS) — Dimensional measuring equipmentPart 1: Design and metrological characteristics of two-point inside micrometers Pages: 11	ISO 5175-3:2025 Gas welding equipment — Safety devicesPart 3: Decomposition blockers for low-pressure acetylene Pages: 6	ISO 7012-2:2025 Paints and varnishes — Determination of preservatives in water-dilutable coating materialsPart 2: Determination of in-can total formaldehyde Pages: 12
ISO 3575:2025 Continuous hot-dip zinc-coated and zinc-iron alloy-coated carbon steel sheet of commercial and drawing qualities Pages: 17	ISO 5176-3:2025 Gas welding equipment — Safety devicesPart 3: Decomposition blockers for low-pressure acetylene Pages: 6	ISO 6518-1:2025 Road vehicles — Ignition systemsPart 1: Vocabulary Pages: 9	ISO 7012-3:2025 Paints and varnishes — Determination of preservatives in water-dilutable coating materialsPart 3: Determination of in-can isothiazolinones with LC-UV and LC-MS Pages: 23
ISO 3884:2025 Solid recovered fuels — Methods for the determination of the content of elements (Al, Ca, Fe, K, Mg, Na, P, S, Si, Ti, As, Ba, Be, Cd, Co, Cr, Cu, Hg, Mo, Mn, Ni, Pb, Sb, Se, Sn, Tl, V, Zn) Pages: 83	ISO 6590-1:2025 Packaging — VocabularyPart 1: Paper sacks Pages: 20	ISO 6721-10:2025 Plastics — Determination of dynamic mechanical propertiesPart 10: Complex shear viscosity using a parallel-plate	ISO 7176-21:2025 Wheelchairs Part 21: Requirements and test methods for electromagnetic compatibility of electrically powered wheelchairs and scooters, and battery chargers Pages: 22 Replaces: ISO 7176-21:2009
ISO 4076:2025 Polyphenylsulfone (PPSU) — Effect of time and temperature on expected strength Pages: 10	ISO 4211-1:2025 Furniture — Tests for surface finishesPart 1: Assessment of resistance to cold liquids Pages: 11		ISO 7240-27:2025 Fire detection and alarm systemsPart 27: Point type fire detectors using a smoke sensor in combination with a carbon monoxide sensor and, optionally, one or more heat sensors Pages: 61
			ISO 7334:2025

- Earth-moving machinery — Vocabulary and taxonomy for automation and autonomy
Pages: 13
ISO 8536-6:2025
Infusion equipment for medical use Part 6: Freeze drying closures for infusion bottles
Pages: 16
Replaces: ISO 8536-6:2016
ISO 8943:2025
Refrigerated light hydrocarbon fluids — Sampling of liquefied natural gas — Continuous and intermittent methods
Pages: 25
ISO 9073-5:2025
Nonwovens — Test methods Part 5: Determination of resistance to mechanical penetration (ball burst procedure)
Pages: 8
Replaces: ISO 9073-5:2008
ISO 9073-6:2025
Nonwovens — Test methods. Part 6: Absorption
Pages: 9
ISO/IEC 14496-32:2025
Information technology — Coding of audio-visual objects Part 32: File format reference software and conformance
Pages: 23
Replaces: ISO/IEC 14496-32:2021
ISO/IEC 18181-3:2025
Information technology — JPEG XL image coding system Part 3: Conformance testing
Pages: 9
Replaces: ISO/IEC 18181-3:2022
ISO/IEC 18670:2025
Information technology — SoftWare Hash IDentifier (SWHID) Specification V1.2
Pages: 14
ISO/IEC 19566-5:2023/Amd 1:2025
Information technologies — JPEG systems — Part 5: JPEG universal metadata box format (JUMBF) Amendment 1: JUMBF box compression and standalone JUMBF files
Pages: 3
ISO/IEC 19566-6:2019/Amd 2:2025
Information technologies — JPEG systems — Part 6: JPEG 360 Amendment 2: Revision to the equirectangular projection constraints
Pages: 2
ISO/IEC 19566-8:2023/Amd 1:2025
Information technologies — JPEG systems — Part 8: JPEG Snack Amendment 1: Revision of JPEG Snack content boxes
Pages: 3
ISO/IEC 19762:2025
Information technology — Automatic identification and data capture (AIDC) techniques — Vocabulary
Pages: 88
Replaces: ISO/IEC 19762:2016
ISO/IEC 19794-14:2022/Amd 1:2025
Information technology — Biometric data interchange formats — Part 14: DNA data Amendment 1: Conformance requirements
Pages: 15
ISO/IEC 21122-4:2025
Information technology — JPEG XS low-latency lightweight image coding system Part 4: Conformance testing
Pages: 24
Replaces: ISO/IEC 21122-4:2022
ISO/IEC 21471:2025
Information technology — Automatic identification and data capture techniques — Data Matrix Rectangular Extension (DMRE) bar code symbology specification
Pages: 20
ISO/IEC 23090-6:2021/Amd 2:2025
Information technology — Coded representation of immersive media — Part 6: Immersive media metrics Amendment 2: Additional latencies and other improvements
Pages: 2
ISO/IEC 25390:2025
Information technology — Financial information exchange — Simple binary encoding
Pages: 55
ISO/IEC 29158:2025
Automatic identification and data capture techniques — Bar code symbol quality test specification — Direct part mark (DPM)
Pages: 27
ISO/IEC 29794-5:2025
Information technology — Biometric sample quality Part 5: Face image data
Pages: 63
ISO/IEC 30134-5:2017/Amd 1:2025
Information technology — Data centres — Key performance indicators — Part 5: IT

Equipment Utilization for servers (ITEUsv) Amendment 1 Pages: 1 ISO/IEC 7816-3:2006/Amd 1:2025 Identification cards — Integrated circuit cards — Part 3: Cards with contacts — Electrical interface and transmission protocols Amendment 1: Additional voltage classes Pages: 3 ISO/IEC TS 33062:2025 Information technology — Process assessment — Process assessment model for quantitative processes to support higher levels of process capability in ISO/IEC 33020 Pages: 18 ISO/IEC/IEEE 8802-1AS:2021/Amd 1:2025 Information technology — Telecommunications and information exchange between systems — Local and metropolitan area networks — Part 1AS: Timing and synchronization for time-sensitive applications in bridged local area networks Amendment 1: Inclusive terminology Pages: 206 ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2024/Amd 37:2025 Telecommunications and exchange between information technology systems — Requirements for local and metropolitan area networks — Part 1Q: Bridges and bridged networks Amendment 37:	Automatic Attachment to Provider Backbone Bridging (PBB) Services Pages: 96 ISO/IEC TR 23951:2025 Intelligent transport systems — Mobility integration — Role model of the human-centric predictive risk information provisioning service Pages: 20 ISO/TS 18973:2025 Railway infrastructure — Rail fastening systems — Two directional test method for resistance to repeated loading Pages: 28 ISO/TS 23520:2025 Road vehicles — Equipment eXchange (EQX) — Data format specification for operational information relevant for equipment exchange and test conduction Pages: 7 ISO/TS 26762:2025 Design and operation of allocation systems used in gas productions facilities Pages: 104 ISO/TS 5083:2025 Road vehicles — Safety for automated driving systems — Design, verification and validation Pages: 158 ISO/TS 5770:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Relative method for determining thermal conductivity of ceramic coatings Pages: 10	❖ TIÊU CHUẨN IEC IEC 60060-1:2025 RLV High-voltage test techniques - Part 1: General terminology and test requirements Pages: 184 Replaces: IEC 60060-1:2010 IEC 60060-1:2025 High-voltage test techniques - Part 1: General terminology and test requirements Pages: 164 Replaces: IEC 60060-1:2010 IEC 60060-2:2025 RLV High-voltage test techniques - Part 2: Measuring systems Pages: 286 Replaces: IEC 60060-2:2010 IEC 60060-2:2025 High-voltage test techniques - Part 2: Measuring systems Pages: 174 IEC 60068-2-1:2025 PRV Environmental testing - Part 2-1: Tests - Test A: Cold Pages: 30 Replaces: IEC 60068-2-1:2007 IEC 60068-2-2:2025 PRV Environmental testing - Part 2-2: Tests - Test B: Dry heat Pages: 30 IEC 60068-2-75/AMD1:2025 PRV Amendment 1 - Environmental testing - Part 2-75: Tests - Test Eh: Hammer tests Pages: 3 Replaces: IEC 60068-2-75:2014 IEC 60068-2-78:2025 PRV Environmental testing - Part 2-78: Tests - Test Cab: Damp heat, steady state
--	--	---

<p>Pages: 14</p> <p>IEC 60122-2:2025 PRV</p> <p>Quartz crystal units of assessed quality - Part 2: Guidelines for the use</p> <p>Pages: 37</p> <p>Replaces: IEC 60122-2:1983</p>	<p>Part 1: Ranges, ovens, steam ovens and grills - Methods for measuring performance</p> <p>Pages: 38</p> <p>IEC 60384-14/AMD1:2025 PRV</p> <p>Amendment 1 - Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 14: Sectional specification - Fixed capacitors for electromagnetic interference suppression and connection to the supply mains</p> <p>Pages: 5</p>	<p>Pages: 52</p> <p>IEC 60794-1-133:2025 PRV</p> <p>Optical fibre cables - Part 1-133: Generic specifications - Basic optical cable test procedures - Mechanical test methods - Multiple cable coiling and uncoiling performance, Method E33</p> <p>Pages: 12</p>
<p>IEC 60335-2-118:2025 RLV</p> <p>Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-118: Particular requirements for professional ice-cream makers</p> <p>Pages: 194</p> <p>Replaces: IEC 60335-2-118:2020/COR1:2021</p>	<p>IEC 60436:2025 PRV</p> <p>Electric dishwashers for household use - Methods for measuring the performance</p> <p>Pages: 134</p>	<p>IEC 60794-1-208:2025</p> <p>Optical fibre cables - Part 1-208: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods - Pneumatic resistance, Method F8</p> <p>Pages: 16</p>
<p>IEC 60335-2-118:2025 EXV</p> <p>Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-118: Particular requirements for professional ice-cream makers</p> <p>Pages: 381</p> <p>Replaces: IEC 60335-2-118:2020/COR1:2021</p>	<p>IEC 60512-99-002:2022+ AMD1:2025 CSV</p> <p>Connectors for electrical and electronic equipment - Tests and measurements - Part 99-002: Endurance test schedules - Test 99b: Test schedule for unmating under electrical load</p> <p>Pages: 24</p>	<p>IEC 60794-1-216:2025</p> <p>Optical fibre cables - Part 1-216: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods - Compound flow (drip), Method F16</p> <p>Pages: 17</p>
<p>IEC 60335-2-118:2025</p> <p>Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-118: Particular requirements for professional ice-cream makers</p> <p>Pages: 130</p>	<p>IEC 60512-99-002:2022/ AMD1:2025</p> <p>Amendment 1 - Connectors for electrical and electronic equipment - Tests and measurements - Part 99-002: Endurance test schedules - Test 99b: Test schedule for unmating under electrical load</p> <p>Pages: 5</p>	<p>IEC 60884-2-8:2025</p> <p>Plugs and socket-outlets for household and similar purposes - Part 2-8: Particular requirements for socket-outlets for furniture</p> <p>Pages: 32</p>
<p>IEC 60350-1:2023+ AMD1:2025 CSV</p> <p>Household electric cooking appliances - Part 1: Ranges, ovens, steam ovens and grills - Methods for measuring performance</p> <p>Pages: 179</p> <p>Replaces: IEC 60350-1:2016+AMD1:2021 CSV</p>	<p>IEC 60730-2-14:2025</p> <p>Automatic electrical controls - Part 2-14: Particular requirements for electric actuators</p>	<p>IEC 60931-1:2025 PRV</p> <p>Shunt power capacitors of the non-self-healing type for AC systems having a rated voltage up to and including 1 000 V - Part 1: General</p> <p>Pages: 40</p> <p>Replaces: IEC 60931-1:1996/AMD1:2002</p>
<p>IEC 60350-1:2023/ AMD1:2025</p> <p>Amendment 1 - Household electric cooking appliances -</p>		

<p>IEC 60947-3:2020/AMD1:2025 Amendment 1 - Low-voltage switchgear and controlgear - Part 3: Switches, disconnectors, switch-disconnectors and fuse-combination units Pages: 54</p>	<p>optical cable test procedures - Environmental test methods - Compound flow (drip), Method F16 Pages: 17</p>	<p>strength of nanoscale thickness membrane Pages: 15</p>
<p>IEC 60947-7-1:2025 Low-voltage switchgear and controlgear - Part 7-1: Ancillary equipment - Terminal blocks for copper conductors Pages: 99</p>	<p>IEC PAS 61980-6:2025 Electric vehicle wireless power transfer (WPT) systems – Part 6: Specific requirements for magnetic field dynamic power transfer (MF-D-WPT) system communication and activities Pages: 76</p>	<p>IEC TS 62271-313:2025 EXV High-voltage switchgear and controlgear - Part 313: Direct current circuit-breakers Pages: 269</p>
<p>IEC 61340-4-6:2025 PRV Electrostatics - Part 4-6: Standard test methods for specific applications - Wrist straps Pages: 21</p>	<p>IEC 61987-41:2025 Industrial-process measurement and control - Data structures and elements in process equipment catalogues - Part 41: Lists of properties (LOPs) of process analysers for electronic data exchange - Generic structures Pages: 46</p>	<p>IEC TS 62271-313:2025 High-voltage switchgear and controlgear - Part 313: Direct current circuit-breakers Pages: 73</p>
<p>IEC 61400-4:2025 Wind energy generation systems - Part 4: Design requirements for wind turbine gearboxes Pages: 94</p>	<p>IEC 61995-1:2025 PRV Devices for the connection of luminaires for household and similar purposes - Part 1: General requirements Pages: 87</p>	<p>IEC 62282-3-201:2025 PRV Fuel cell technologies - Part 3-201: Stationary fuel cell power systems - Performance test methods for small fuel cell power systems Pages: 92</p>
<p>IEC TS 61400-21-4:2025 Wind energy generation systems - Part 21-4: Measurement and assessment of electrical characteristics - Wind turbine components and subsystems Pages: 216</p>	<p>Replaces: IEC 61995-1:2005+AMD1:2016 CSV IEC 61995-2:2025 PRV Devices for the connection of luminaires for household and similar purposes - Part 2: Standard sheets Pages: 10</p>	<p>Replaces: IEC 62282-3-201:2017+AMD1:2022 CSV IEC 62282-6-401:2025 Fuel cell technologies - Part 6-401: Micro fuel cell power systems - Power and data interchangeability - Performance test methods for laptop computer Pages: 41</p>
<p>IEC 61869-20:2025 Instrument transformers – Part 20: Safety requirements of instrument transformers for high voltage applications Pages: 32</p>	<p>IEC 62047-46:2025 Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 46: Silicon based MEMS fabrication technology - Measurement method of tensile</p>	<p>IEC 62290-1:2025 RLV Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems - Part 1: System principles and fundamental concepts Pages: 103</p>
<p>IEC 60794-1-216:2025 Optical fibre cables - Part 1-216: Generic specification - Basic</p>		<p>Replaces: IEC 62290-1:2014 IEC 62290-1:2025 Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems -</p>

Part 1: System principles and fundamental concepts Pages: 66 Replaces: IEC 62290-1:2014 IEC 62290-2:2025 Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems - Part 2: Functional requirements specification Pages: 198 Replaces: IEC 62290-2:2014 IEC 62290-3:2025 Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems - Part 3: System requirements specification Pages: 535 Replaces: IEC 62290-3:2019/COR1:2020 IEC TS 62453-53-90:2025 Field Device Tool (FDT) Interface Specification - Part 53-90: Communication implementation for CLI and HTML – IEC 61784 CPF 9 Pages: 41 IEC 62488-1:2025 PRV Power line communication systems for power utility applications - Part 1: Planning of analogue and digital power line carrier systems operating over HV electricity grids Pages: 106 Replaces: IEC 62488-1:2012 IEC TS 62565-4-4:2025 Nanomanufacturing – Product specification – Part 4-4: Nanophotonic products – Blank detail specification: Quantum	dot enabled light conversion films Pages: 30 IEC TS 62565-5-3:2025 Nanomanufacturing – Product specification – Part 5-3: Nanoenabled energy storage – Blank detail specification: silicon nanosized materials for the negative electrode of lithium-ion batteries Pages: 46 IEC 62899-202-11:2025 Printed electronics - Part 202-11: Materials - Conductive ink - Measurement method of electrical resistance uniformity for large area printed conductive layer Pages: 13 IEC 62899-203-2:2025 PRV Printed electronics - Part 203-2: Materials - Semiconductor Ink-Space charge limited mobility measurement in printed organic semiconductive layers Pages: 20 IEC 62933-5-2:2025 PRV Electrical energy storage (EES) systems - Part 5-2: Safety requirements for grid-integrated EES systems - Electrochemical-based systems Pages: 112 IEC 63119-1:2025 PRV Information exchange for electric vehicle charging roaming service - Part 1: General Pages: 14 IEC 63171:2025 RLV Connectors for electrical and electronic equipment - Shielded	or unshielded free and fixed connectors for balanced single-pair data transmission with current-carrying capacity - General requirements and tests Pages: 137 IEC 63171:2021 IEC 63171:2025 Connectors for electrical and electronic equipment - Shielded or unshielded free and fixed connectors for balanced single-pair data transmission with current-carrying capacity - General requirements and tests Pages: 83 IEC 63270-1:2025 Predictive maintenance of industrial automation equipment and systems - Part 1: General requirements Pages: 91 IEC SRD 63302-1:2025 Smart city use case collection and analysis – Intelligent operations centre for smart cities – Part 1: High-level analysis Pages: 97 IEC 63322:2025 PRV Security of ME equipment containing high-activity sealed radioactive sources Pages: 68 IEC 63341-1:2025 PRV Railway applications - Hydrogen and fuel cell systems for rolling stock - Part 1: Fuel cell power system Pages: 65 IEC 63380-1:2025 Standard interface for connecting charging stations to
--	---	---

local energy management systems - Part 1: General requirements, use cases and abstract messages Pages: 323 IEC 63380-3:2025 PRV Standard interface for connecting charging stations to local energy management systems - Part 3 Communication protocol and cybersecurity specific aspects Pages: 181 IEC 63402-1:2025 PRV Energy efficiency - Customer energy management systems - Part 1: General requirements and architecture Pages: 33 IEC 63505:2025 Guidelines for measuring the threshold voltage (VT) of SiC MOSFETs Pages: 12 IEC 63522-7:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 7: Functional tests Pages: 53 IEC 63522-9:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 9: Climatic tests Pages: 21 IEC 63522-16:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 16: Soldering Pages: 25 IEC 63522-20:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 20: Mechanical endurance	Pages: 16 IEC 63522-22:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 22: Limiting continuous current Pages: 16 IEC 63522-24:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 24: Load transfer Pages: 13 IEC 63522-27:2025 Electrical relays - Testing and measurement - Part 27: Electrical contact noise Pages: 16 IEC 63522-28:2025 Electrical relays - Tests and measurement - Part 28: Thermoelectric electromotive force (e.m.f.) Pages: 12 IEC 63522-32:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 32: Acoustic noise Pages: 17 IEC 63522-37:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 37: Terminal temperature rise at rated load Pages: 20 IEC 63522-38:2025 Electrical relays - Testing and measurement - Part 38: Mechanical interlock Pages: 13 IEC 63522-40:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 40: Short circuit testing Pages: 20	IEC 63522-44:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 44: Corrosive atmosphere due to salt mist Pages: 17 IEC 63522-49:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 49: Long term stability of sealing Pages: 20 IEC 63522-56:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 56: Ball Pressure test Pages: 18 ❖ TIÊU CHUẨN BS BS EN 13806-2:2025 Foodstuffs. Determination of trace elements - Determination of total mercury in foodstuffs by atomic fluorescence spectrometry (AFS). cold vapour technique after pressure digestion BS EN 13806-3:2025 Foodstuffs. Determination of trace elements - Determination of total mercury in foodstuffs with atomic absorption directly from the foodstuff (elemental mercury analysis) BS EN 13806-1:2025 Foodstuffs. Determination of trace elements - Determination of total mercury in foodstuffs by atomic absorption spectrometry (AAS). Cold vapour technique after pressure digestion BS EN ISO/IEC 27555:2025 Information security, cybersecurity and privacy
---	---	---

protection. Guidelines on personally identifiable information deletion BS ISO 22863-14:2025 Fireworks. Test methods for determination of specific chemical substances - Qualitative identification of perchlorates BS ISO 22863-15:2025 Fireworks. Test methods for determination of specific chemical substances - Qualitative identification of nitrates BS EN 12965:2019+A1:2025 Tractors and machinery for agriculture and forestry. Power take-off (PTO) drive shafts and their guards. Safety Replace: BS EN 12965:2003+A2:2009 BS IEC 63211-2-23:2025 Durability test methods for electronic displays - Environmental tests. Outdoor weathering BS ISO 4907-4:2025 Plastics. Ion exchange resin - Determination of particle size by laser diffraction method BS ISO 30302:2022+A1:2025 Information and documentation. Management systems for records. Guidelines for implementation BS EN 18037:2025 Guidelines on a sectoral cybersecurity assessment BS EN IEC 63563-1:2025 Qi Specification version 2.0 - Introduction BS ISO 13061-16:2025 Physical and mechanical properties of wood. Test methods for small clear wood specimens -	Determination of volumetric swelling BS EN 71-4:2020+A1:2025 Safety of toys - Experimental sets for chemistry and related activities BS EN IEC 62657-4:2025 Industrial networks. Coexistence of wireless systems - Coexistence management with central coordination of wireless applications BS ISO 4076:2025 Polyphenylsulfone (PPSU). Effect of time and temperature on expected strength BS EN 18056:2025 Conservation of Cultural Heritage. Waterlogged archaeological wood. Characterization of waterlogged archaeological wood to support decision-making processes for its preservation BS IEC 60050-831:2025 International Electrotechnical Vocabulary (IEV) - Smart city systems BS EN IEC 60269-1:2025 Low-voltage fuses - General requirements Replace: BS EN 60269-1:2007+A2:2014 BS EN 14180:2025 Sterilizers for medical purposes. Low temperature steam and formaldehyde sterilizers. Requirements and testing Replace: BS EN 14180:2014 BS ISO/IEC 30134-5:2017+A1:2025 Information technology. Data centres. Key performance	indicators - IT Equipment Utilization for servers (ITEUsv) BS ISO 18650-2:2025 Building construction machinery and equipment. Concrete mixers - Procedure for examination of mixing efficiency BS EN 16422:2025 Clothing. Physiological effects. Classification of thermoregulatory properties BS ISO 10110-11:2025 Optics and photonics. Preparation of drawings for optical elements and systems - Non-toleranced data Replace: BS ISO 10110-11:2016 BS ISO/IEC 30134-5:2017+A1:2025 Information technology. Data centres. Key performance indicators - IT Equipment Utilization for servers (ITEUsv) BS EN IEC 62991:2025 Particular requirements for source switching equipment (SSE) BS EN 74-1:2022+A1:2025 Couplers, spigot pins and baseplates for use in falsework and scaffolds - Couplers for tubes. Requirements and test procedures Replace: BS EN 74-1:2005 BS EN IEC 63203-204-2:2025 Wearable electronic devices and technologies - Electronic textile. Test method to characterize electrical resistance change in knee and elbow bending test of e-textiles BS EN IEC 62878-2-603:2025 Device embedding assembly technology - Guideline for
---	---	---

stacked electronic module. Test method of intra-module electrical connectivity BS EN IEC 61039:2025 Classification of insulating liquids BS ISO/TS 5770:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics). Relative method for determining thermal conductivity of ceramic coatings BS EN IEC 60404-18:2025 Magnetic materials - Permanent magnet (magnetically hard) materials. Methods of measurement of the magnetic properties in an open magnetic circuit using a superconducting magnet BS EN IEC 62868-2-3:2021+A1:2025 Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting. Safety - Particular requirements. Flexible OLED tiles and panels BS EN IEC 62868-2-4:2025 Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting. Safety - Particular requirements. Rigid OLED tiles and panels BS EN IEC 62868-1:2021+A1:2025 Organic light emitting diode (OLED) Light sources for general lighting – Safety - General requirements and tests Replace: BS EN IEC 62868-1:2021 BS EN IEC 63044-3:2018+	A1:2025 Home and building electronic systems (HBES) and building automation and control systems (BACS) - Electrical safety requirements Replace: BS EN IEC 63044-3:2018 BS EN IEC 62841-4-8:2025+A11:2025 Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery. Safety - Particular requirements for shredders/chippers BS EN ISO 7012-1:2025 Paints and varnishes. Determination of preservatives in water-dilutable coating materials - Determination of in-can free formaldehyde BS EN ISO 7012-2:2025 Paints and varnishes. Determination of preservatives in water-dilutable coating materials - Determination of in-can total formaldehyde BS ISO 2964:2025 Aerospace. Tubing outside diameters and thicknesses. Metric dimensions BS ISO 18483:2025 Performance rating of centrifugal refrigerant compressor BS ISO 4211-1:2025 Furniture. Tests for surface finishes - Assessment of resistance to cold liquids BS EN 18027:2025 Bio-based products. Life cycle assessment. Additional requirements and guidelines for comparing the life cycles of bio-	based products with their fossil-based equivalents BS EN 62554:2011+A2:2025 Sample preparation for measurement of mercury level in fluorescent lamps and low-pressure mercury UV radiation sources Replace: BS EN IEC 62554:2011+A1:2018 BS EN 12586:2025 Child care articles. Soother holder. Safety requirements and test methods Replace: BS EN 12586:2007+A1:2011 BS ISO 25639-1:2025 Exhibitions and events - Vocabulary BS EN 17131-2:2025 Textiles and textile products. Determination of certain residual solvents - Determination of benzene, method using headspace gas chromatography BS ISO 3575:2025 Continuous hot-dip zinc-coated and zinc-iron alloy-coated carbon steel sheet of commercial and drawing qualities BS EN 16072:2025 Intelligent transport systems. ESafety. Pan-European eCall operating requirements Replace: BS EN 16072:2022 BS ISO 4997:2025 Cold-reduced carbon steel sheet of structural quality Replace: BS ISO 4997:2015 BS ISO 10924-2:2025 Road vehicles. Circuit breakers - Guidance for users BS ISO 13357-1:2025
---	--	---

Petroleum products. Determination of the filterability of lubricating oils - Procedure for oils in the presence of water Replace: BS ISO 13357-1:2017 BS ISO 10924-3:2025	Replace: BS EN IEC 62657-2:2022 BS EN 13757-3:2025 Communication systems for meters - Application protocols Replace: BS EN 13757-3:2013 BS EN 13757-7:2025 Communication systems for meters - Transport and security services Replace: BS EN 13757-3:2013 BS ISO 13357-2:2025	Non-destructive testing of welds. General rules for metallic materials Replace: BS EN ISO 17635:2016 BS EN 4530-004:2025 Aerospace series. Sealing sleeves used in elements of connection - Sealing sleeves for external diameter cable 3 mm to 5,8 mm. Product standard BS EN IEC 60601-2-68:2025
Road vehicles. Circuit breakers - Miniature circuit breakers with tabs (Blade type), Form CB11 BS ISO 10924-4:2025	Petroleum products. Determination of the filterability of lubricating oils - Procedure for dry oils Replace: BS ISO 13357-2:2017 BS EN ISO 12855:2025	Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of X-ray-based image-guided radiotherapy equipment for use with electron accelerators, light ion beam therapy equipment and radionuclide beam therapy equipment BS EN IEC/IEEE 63184:2025
Road vehicles — Circuit breakers - Medium circuit breakers with tabs (Blade type), Form CB15 Replace: BS ISO 10924-4:2015 BS EN 60204-1:2018+A1:2025	Electronic fee collection. Information exchange between service provision and toll charging Replace: BS EN ISO 12855:2022 BS EN 13016-3:2025	Assessment methods of the human exposure to electric and magnetic fields from wireless power transfer systems. Models, instrumentation, measurement and computational methods and procedures (frequency range of 3 kHz to 30 MHz) BS EN IEC 63522-39:2025
Safety of machinery. Electrical equipment of machines - General requirements Replace: BS EN 60204-1:2018 BS ISO 16636:2025	Liquid petroleum products. Vapour pressure - Determination of vapour pressure and calculated dry vapour pressure equivalent (DVPE) (Triple expansion method) BS EN ISO 19116:2025	Electrical relays. Tests and measurements - Insertion and withdrawal force BS EN 13496:2025
Plastics. Disintegration field test of plastics under water environmental conditions BS EN 50733:2025	Geographic information. Positioning services Replace: BS EN ISO 19116:2019+A1:2021 BS EN IEC 62391-2:2025	Thermal insulation products for building applications. Determination of the mechanical properties of glass fibre meshes as reinforcement for external thermal insulation composite kits with renders (ETIC kits) Replace: BS EN 13496:2013
Electric forced convection ovens, steam cookers and combination ovens for professional use - Test methods for measuring the performance BS EN IEC 61557-9:2025	Fixed electric double-layer capacitors for use in electronic equipment - Sectional specification. Electric double-layer capacitors for power application BS EN ISO 17635:2025	
Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC. Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Equipment for insulation fault location in IT systems Replace: BS EN 61557-9:2009 BS EN IEC 62657-2:2025		
Industrial networks. Coexistence of wireless systems - Coexistence management		

<p>BS EN 1459-5:2020+A1:2025 Rough-terrain trucks. Safety requirements and verification - Attachment interface</p> <p>BS EN 1459-4:2020+A1:2025 Rough-terrain trucks. Safety requirements and verification - Additional requirements for variable-reach trucks handling freely suspended loads</p> <p>BS EN IEC 63522-35:2025 Electrical relays. Tests and measurements - Resistance to cleaning solvents</p> <p>BS EN IEC 60255-27:2025 Measuring relays and protection equipment - Product safety requirements Replace: BS EN 60255-27:2014</p> <p>BS EN IEC 60255-26:2025 Measuring relays and protection equipment - Electromagnetic compatibility requirements Replace: BS EN 60255-26:2013</p> <p>BS EN IEC 61109:2025 Insulators for overhead lines. Composite suspension and tension insulators for a.c. systems with a nominal voltage greater than 1 000 V - Definitions, test methods and acceptance criteria</p> <p>BS EN 12046-2:2025 Operating forces. Test method - Doors</p> <p>BS EN 13126-9:2025 Building hardware. Hardware for windows and door height windows. Requirements and test methods - Hardware for horizontal and vertical pivot windows Replace: BS EN 13126-9:2013</p> <p>BS ISO 10924-5:2025</p>	<p>Road vehicles. Circuit breakers - Circuit breakers with bolt with rated voltage of 450 V</p> <p>BS ISO 10924-1:2025 Road vehicles. Circuit breakers - Definitions and general test requirements Replace: BS ISO 10924-1:2016</p> <p>BS ISO 11843-7:2025 Capability of detection - Methodology based on stochastic properties of instrumental noise Replace: BS ISO 11843-7:2018</p> <p>BS EN 2286:2025 Aerospace series. Bush, flanged aluminium alloy, with self-lubricating liner. Dimensions and loads Replace: BS EN 2286:2017</p> <p>BS EN ISO 10519:2015 + A1:2025 Rapeseed. Determination of chlorophyll content. Spectrometric method Replace: BS EN ISO 10519:2001</p> <p>BS EN 3155-001:2025 Aerospace series. Electrical contacts used in elements of connection - Technical specification Replace: BS EN 3155-001:2016</p> <p>BS IEC 63505:2025 Guidelines for measuring the threshold voltage V_T of SiC MOSFETs</p> <p>BS EN 4530-004:2025 Aerospace series. Sealing sleeves used in elements of connection - Sealing sleeves for external diameter cable 3 mm to 5,8 mm. Product standard</p> <p>BS EN IEC 60794-1-307:2025</p>	<p>Optical fibre cables - Generic specification. Basic optical cable test procedures. Cable element test methods. Tube kinking, method G7</p> <p>BS ISO 15638-23:2025 Intelligent transport systems. Framework for collaborative telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV) - Tyre pressure monitoring (TPM)</p> <p>BS EN IEC 62902:2025 Secondary cells and batteries. Marking symbols for identification of their chemistry</p> <p>BS EN IEC 61643-01:2025 +A11:2025 Low-voltage surge protective devices - General Requirements and test methods</p> <p>BS EN IEC 60974-1:2022+ A13:2025 Arc welding equipment - Welding power sources Replace: BS EN IEC 60974-1:2021</p> <p>BS 5839-1:2025 Fire detection and fire alarm systems for buildings - Design, installation, commissioning and maintenance of systems in non-domestic premises. Code of practice Replace: BS 5839-1:2017</p> <p>BS EN IEC 60947-5-1:2025 Low- voltage switchgear and controlgear - Control circuit devices and switching elements. Electromechanical control circuit devices Replace: BS EN 60947-5-1:2017</p> <p>BS EN 16494:2025</p>
--	--	--

Railway applications. Requirements for ERTMS Trackside Boards BS EN IEC 62037-1:2025 Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - General requirements and measuring methods Replace: BS EN IEC 62037-1:021 BS EN ISO 18750:2025 Intelligent transport systems - Local dynamic map Replace: BS EN ISO 18750:2018 BS EN ISO 17423:2025 Intelligent transport systems. Application requirements and objectives Replace: BS EN ISO 17423:2018 BS EN 1459-1:2025 - TC Rough-terrain trucks. Safety requirements and verification - Variable-reach trucks Replace: BS EN 1459:1998+A3:2012 BS EN IEC 63522-6:2025 Electrical relays. Tests and measurements - Contact-circuit resistance or voltage drop BS EN ISO 11781:2025 Molecular biomarker analysis. Requirements and guidance for single-laboratory validation of qualitative real-time polymerase chain reaction (PCR) methods Replace: PD CEN/TS 17329- 1:2021 BS EN IEC 61000-4-2:2025 Electromagnetic compatibility (EMC) - Testing and	measurement techniques. Electrostatic discharge immunity test Replace: BS EN 61000-4-2:2009 BS EN 805:2025 Water supply. Requirements for systems and components outside buildings BS ISO 24608:2025 Essential oil of lavandin super [<i>Lavandula x intermedia</i> Emeric ex Loisel. ‘super’ (<i>Ex Lavandula</i> <i>angustifolia</i> Mill. x <i>Lavandula</i> <i>latifolia</i> Medik. ‘super’)] BS ISO 5175-3:2025 Gas welding equipment. Safety devices - Decomposition blockers for low-pressure acetylene BS EN IEC 61753-086-02:2025 Fibre optic interconnecting devices and passive components. Performance standard - Non- connectorized single-mode bidirectional 1490 / 1550 nm downstream and 1 310 nm upstream WDM devices for category C. Indoor controlled environment BS IEC 62899-202-11:2025 Printed electronics - Materials. Conductive ink. Measurement method of electrical resistance uniformity for large area printed conductive layer BS EN 868-2:2025 Packaging for terminally sterilized medical devices - Sterilization wrap. Requirements and test methods Replace: BS EN 868-2:2017 BS EN 868-3:2025 Packaging for terminally sterilized medical devices - Paper for use in	the manufacture of paper bags (specified in EN 868-4) and in the manufacture of pouches and reels (specified in EN 868-5). Requirements and test methods BS EN 868-4:2025 Packaging for terminally sterilized medical devices - Paper bags. Requirements and test methods Replace: BS EN 868-4:2017 BS EN 868-6:2025 Packaging for terminally sterilized medical devices - Paper for low temperature sterilization processes. Requirements and test methods Replace: BS EN 868-6:2017 BS EN 868-7:2025 Packaging for terminally sterilized medical devices - Adhesive coated paper for low temperature sterilization processes. Requirements and test methods Replace: BS EN 868-7:2017 BS EN IEC 62282-7-2:2025 Fuel cell technologies - Test methods. Single cell and stack performance tests for solid oxide fuel cells (SOFCs) Replace: BS EN IEC 62282-7- 2:2021 BS ISO 19223-2:2025 Lung ventilators and related equipment. Vocabulary and semantics - High frequency and jet ventilation BS ISO 1003:2025 Spices and condiments. Whole/pieces and ground dried ginger (<i>Zingiber officinale</i> Roscoe). Specification Replace: BS ISO 1003:2008 BS EN IEC 62276:2025
--	---	--

Single crystal wafers for surface acoustic wave (SAW) device applications. Specifications and measuring methods Replace: BS EN 62276:2016 BS ISO 11999-9:2025 PPE for firefighters. Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while fighting fires occurring in structures - Fire hoods BS EN 12259-15:2025 Fixed firefighting systems. Components for sprinkler and water spray systems - Spray pattern sprinklers with a k-factor of at least K160, extended coverage sprinklers of at least K80 and control mode special application sprinklers BS ISO 21013-2:2025 Cryogenic vessels. Pressure-relief accessories for cryogenic service - Non-reclosable pressure-relief devices Replace: BS ISO 21013-2:2007 + A1:2018 BS ISO 6721-10:2025 Plastics. Determination of dynamic mechanical properties - Complex shear viscosity using a parallel-plate and a cone-and-plate oscillatory rheometer Replace: BS ISO 6721-10:2015 BS ISO 15964:2025 Detection and avoidance systems for uncrewed aircraft systems BS ISO 14617-2:2025 Graphical symbols for diagrams - Graphical symbols BS IEC 62047-46:2025	Semiconductor devices. Micro-electromechanical devices - Silicon based MEMS fabrication technology. Measurement method of tensile strength of nanoscale thickness membrane BS EN 15876:2025 Electronic fee collection. Evaluation of on-board and roadside equipment for conformity to EN 15509 Replace: BS EN 15876:2023 BS EN ISO 16089:2025 Machine tools. Safety. Stationary grinding machines Replace: BS EN ISO 16089:2015 BS EN 2285:2025 Aerospace series. Bush, plain, aluminium alloy, with self-lubricating liner. Dimensions and loads Replace: BS EN 2285:2017 ❖ TIÊU CHUẨN ASTM ASTM F2925-11(2025) Standard Specification for Tenderness Marketing Claims Associated with Meat Cuts Derived from Beef Pages: 3 Replace: ASTM F2925-11(2018) ASTM F2034-18(2025) Standard Specification for Sheet Linoleum Floor Covering Pages: 4 Replace: ASTM F2034-18 ASTM D3897-18(2025) Standard Test Method for Calculation of Basicity of Chrome Tanning Liquors Pages: 2	Replace: ASTM D3897-18 ASTM F1023-12(2025) Standard Specification for Dispensers, Powdered Iced Tea Pages: 5 Replace: ASTM F1023-12(2018) ASTM A565/A565M-10(2025) Standard Specification for Martensitic Stainless Steel Bars for High-Temperature Service Pages: 4 Replace: ASTM A565/A565M-10(2017)e1 ASTM A313/A313M-18(2025) Standard Specification for Stainless Steel Spring Wire Pages: 8 Replace: ASTM A313/A313M-18 ASTM A895-89(2025) Standard Specification for Free-Machining Stainless Steel Plate, Sheet, and Strip Pages: 3 Replace: ASTM A895-89(2017) ASTM C1523-17(2025) Standard Test Method for Determining Modulus, Tear and Adhesion Properties of Precured Elastomeric Joint Sealants Pages: 6 Replace: ASTM C1523-17 ASTM C1099-07(2025) Standard Test Method for Modulus of Rupture of Carbon-Containing Refractory Materials at Elevated Temperatures Pages: 3 Replace: ASTM C1099-07(2019)
---	---	--

ASTM C16-03(2025) Standard Test Method for Load Testing Refractory Shapes at High Temperatures Pages: 5 Replace: ASTM C16-03(2018)	Replace: ASTM D3964-10(2020)	Standard Test Method for Determining Geonet Breaking Force Pages: 3 Replace: ASTM D7179-18
ASTM F2696-14(2025) Standard Practice for Inspection of Aircraft Electrical Wiring Systems Pages: 7 Replace: ASTM F2696-14(2019)	ASTM B685-20(2025) Standard Specification for Palladium-Copper Electrical Contact Material Pages: 2 Replace: ASTM B685-20	ASTM E2208-02(2025) Standard Guide for Evaluating Non-Contacting Optical Strain Measurement Systems Pages: 7 Replace: ASTM E2208-02(2018)e1
ASTM C198-09(2025) Standard Test Method for Cold Bonding Strength of Refractory Mortar Pages: 5 Replace: ASTM C198-09(2019)	ASTM D7869-17(2025) Standard Practice for Xenon Arc Exposure Test with Enhanced Light and Water Exposure for Transportation Coatings Pages: 10 Replace: ASTM D7869-17	ASTM D8057-17(2025) Standard Specification for Inlet Filters with a Rigid Frame Pages: 3 Replace: ASTM D8057-17
ASTM E2776-20(2025) Standard Guide for Correlation of Results of Solid Particle Size Measurement Instruments Pages: 10 Replace: ASTM E2776-20	ASTM B824-17(2025) Standard Specification for General Requirements for Copper Alloy Castings Pages: 6 Replace: ASTM B824-17	ASTM A896/A896M-09(2025)e1 Standard Practice for Conducting Case Studies on Galvanized Structures Pages: 8 Replace: ASTM A896/A896M-09(2019)
ASTM B237-20(2025) Standard Specification for Refined Antimony Pages: 3 Replace: ASTM B237-20	ASTM B683-20(2025) Standard Specification for Pure Palladium Electrical Contact Material Pages: 3 Replace: ASTM B683-20	ASTM A641/A641M-19(2025) Standard Specification for Zinc-Coated (Galvanized) Carbon Steel Wire Pages: 5 Replace: ASTM A641/A641M-19
ASTM D5931-20(2025) Standard Test Method for Density and Relative Density of Engine Coolant Concentrates and Aqueous Engine Coolants by Digital Density Meter Pages: 5 Replace: ASTM D5931-20	ASTM B150/B150M-19(2025) Standard Specification for Aluminum Bronze Rod, Bar, and Shapes Pages: 6 Replace: ASTM B150/B150M-19	ASTM D7180/D7180M-05(2025) Standard Guide for Use of Expanded Polystyrene (EPS) Geofoam in Geotechnical Projects Pages: 3 Replace: ASTM D7180/D7180M-05(2021)
ASTM D3964-10(2025) Standard Practice for Selection of Coating Specimens for Appearance Measurements Pages: 2	ASTM B799-95(2025) Standard Test Method for Porosity in Gold and Palladium Coatings by Sulfurous Acid/Sulfur-Dioxide Vapor Pages: 4 Replace: ASTM B799-95(2020)	
	ASTM D7179-18(2025)	

ASTM E2883-13(2025)

Standard Guide for Evaluation and Calibration, Continuous Friction Measurement Equipment (CFME)

Pages: 6

Replace: ASTM E2883-13(2019)

ASTM E2666-09(2025)

Standard Practice for Correlations of Mu Values of Continuous Friction Measurement Equipment to Determine Maintenance Levels for Use at Airports

Pages: 4

Replace: ASTM E2666-09(2019)

ASTM E1021-15(2025)

Standard Test Method for Spectral Responsivity Measurements of Photovoltaic Devices

Pages: 11

Replace: ASTM E1021-15(2019)

ASTM A817-12(2025)

Standard Specification for Metallic-Coated Steel Wire for Chain-Link Fence Fabric and Marcellled Tension Wire

Pages: 4

Replace: ASTM A817-12(2017)

ASTM D7909-21a(2025)

Standard Guide for Placement of Intentional Leaks During Electrical Leak Location Surveys of Geomembranes

Pages: 5

Replace: ASTM D7909-21a

ASTM E1021-15(2025)

Standard Test Method for Spectral Responsivity Measurements of Photovoltaic Devices

Pages: 11

Replace: ASTM E1021-15(2019)

ASTM D6817/D6817M-17(2025)

Standard Specification for Rigid Cellular Polystyrene Geofoam

Pages: 5

Replace:

ASTM D6817/D6817M-17(2021)

ASTM E948-16(2025)

Standard Test Method for Electrical Performance of Photovoltaic Cells Using Reference Cells Under Simulated Sunlight

Pages: 8

Replace: ASTM E948-16(2020)

ASTM D7982-15(2025)

Standard Practice for Testing of Factory Thermo-Fusion Seams for Fabricated Geomembrane

Panels

Pages: 3

Replace: ASTM D7982-15(2021)

ASTM E3188-19(2025)

Standard Terminology for Aircraft Braking Performance

Pages: 4

Replace: ASTM E3188-19

ASTM D3043-17(2025)

Standard Test Methods for Structural Panels in Flexure

Pages: 13

Replace: ASTM D3043-17

ASTM E9-19(2025)

Standard Test Methods of Compression Testing of Metallic Materials at Room Temperature

Pages: 10

Replace: ASTM E9-19

ASTM D8552-25

Standard Guide for Payment Processing Compliance in US Regulated Cannabis Industry

Pages: 3

ASTM E135-25

Standard Terminology Relating to Analytical Chemistry for Metals, Ores, and Related Materials

Pages: 5

Replace: ASTM E135-24

ASTM D8291-25

Standard Test Method for Evaluation of Performance of Automotive Engine Oils in the Mitigation of Low-Speed, Preignition in the Sequence IX Gasoline Turbocharged Direct-Injection, Spark-Ignition Engine

Pages: 85

Replace: ASTM D8291-24a

ASTM E1519-25

Standard Terminology Relating to Agricultural Tank Mix Adjuvants

Pages: 3

Replace: ASTM E1519-24

ASTM E1225-25

Standard Test Method for Thermal Conductivity of Solids Using the Guarded-Comparative-Longitudinal Heat Flow Technique

Pages: 10

Replace: ASTM E1225-20

ASTM B655/B655M-25

Standard Specification for Niobium-Hafnium Alloy Bar and Wire

Pages: 4

Replace: ASTM B655/B655M-10(2018)

ASTM E609-25 Standard Terminology Relating to Pesticides Pages: 3 Replace: ASTM E609-24	ASTM D2892-25 Standard Test Method for Distillation of Crude Petroleum (15-Theoretical Plate Column) Pages: 34 Replace: ASTM D2892-24	ASTM D7094-25 Standard Test Method for Flash Point by Modified Continuously Closed Cup (MCCCFP) Tester Pages: 10 Replace: ASTM D7094-23	ASTM C1193-25 Standard Guide for Use of Joint Sealants Pages: 33 Replace: ASTM C1193-16(2023)	ASTM E2226-25 Standard Practice for Application of Hose Stream Pages: 7 Replace: ASTM E2226-24	ASTM D2899-25 Standard Practice for Establishing Allowable Stresses for Round Timber Piles Pages: 6 Replace: ASTM D2899-12(2017)	ASTM B654/B654M-25 Standard Specification for Niobium-Hafnium Alloy Foil, Sheet, Strip, and Plate Pages: 5 Replace: ASTM B654/B654M-10(2018)	ASTM E831-25 Standard Test Method for Linear Thermal Expansion of Solid Materials by Thermomechanical Analysis Pages: 5 Replace: ASTM E831-24	ASTM F3337-25 Standard Guide for Taking Property and Behavior Measurements on Weathered Fractions of Oil Pages: 4 Replace: ASTM F3337-23	ASTM F3232/F3232M-25 Standard Specification for Flight Controls in Small Aircraft Pages: 18 Replace: ASTM F3232/F3232M-24	ASTM B904-25 Standard Specification for Autocatalytic Nickel over Autocatalytic Copper for Electromagnetic Interference Shielding Pages: 4 Replace: ASTM B904-00(2021)	ASTM D5933-25 Standard Specification for 258-in. and 4-in. Diameter Metal Shear Plates for Use in Wood Constructions Pages: 5 Replace: ASTM D5933-19	ASTM E1354-25 Standard Test Method for Heat and Visible Smoke Release Rates for Materials and Products Using an Oxygen Consumption Calorimeter Pages: 27 Replace: ASTM E1354-24	ASTM D4806-25 Standard Specification for Denatured Fuel Ethanol Pages: 9 Replace: ASTM D4806-21a	ASTM E3220-25 Standard Guide for Characterization of Graphene Flakes Pages: 13 Replace: ASTM E3220-20	ASTM G40-25 Standard Terminology Relating to Wear and Erosion Pages: 9 Replace: ASTM G40-24	ASTM B68/B68M-25 Standard Specification for Seamless Copper Tube, Bright Annealed Pages: 5 Replace: ASTM B68/B68M-19	ASTM D4221-25 Standard Test Method for Dispersive Characteristics of Clay Soil by Double Hydrometer Pages: 5 Replace: ASTM D4221-18	ASTM B673-25 Standard Specification for Nickel-Iron-Chromium-Molybdenum-Nitrogen Alloy, Nickel-Iron-Chromium-Molybdenum and Iron-Nickel-Chromium-Molybdenum-Copper Welded Pipe Pages: 3 Replace: ASTM B673-21	ASTM D7843-25e1 Standard Test Method for Measurement of Lubricant Generated Insoluble Color Bodies in In-Service Turbine
---	---	---	---	--	--	--	---	--	---	--	--	---	--	---	---	--	---	---	--

Oils using Membrane Patch Colorimetry Pages: 6 Replace: ASTM D7843-25 ASTM F2799-14(2025) Standard Practice for Maintenance of Aircraft Electrical Wiring Systems Pages: 23 Replace: ASTM F2799-14(2019) ASTM E2749-25 Standard Practice for Measuring the Uniformity of Furnace Exposure on Test Specimens Pages: 11 Replace: ASTM E2749-24a ASTM D2974-25 Standard Test Methods for Determining the Water (Moisture) Content, Ash Content, and Organic Material of Peat and Other Organic Soils Pages: 4 Replace: ASTM D2974-20e1 ASTM B161-25 Standard Specification for Nickel Seamless Pipe and Tube Pages: 4 Replace: ASTM B161-05(2019) ASTM G11-25 Standard Practice for Evaluating the Effects of Outdoor Weathering on Pipeline Coatings Pages: 4 Replace: ASTM G11-19 ASTM D8392-25 Standard Practice for Calibration and Verification of Direct Imaging Analyzers Used for Particle Size and Shape Analysis of Catalytic Materials Pages: 10	Replace: ASTM D8392-22 ASTM F3509-25 Standard Guide for Additive Manufacturing of Metals – Feedstock Materials – Metal Powder Feedstock Characterization Data for the Purpose of Comparative Quality Evaluation Pages: 16 ASTM C1202-25 Standard Test Method for Electrical Indication of Concrete’s Ability to Resist Chloride Ion Penetration Pages: 8 Replace: ASTM C1202-22e1 ASTM F949-25 Standard Specification for Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Corrugated Sewer Pipe With a Smooth Interior and Fittings Pages: 12 Replace: ASTM F949-20 ASTM C1891-25 Standard Test Method for Fineness of Hydraulic Cement by Air Jet Sieving at 45- μ m (No. 325) Pages: 4 Replace: ASTM C1891-20 ASTM F645-25 Standard Guide for Selection, Design, and Installation of Thermoplastic Water- Pressure Piping Systems Pages: 13 Replace: ASTM F645-18b ASTM D6803-25 Standard Practice for Testing and Sampling of Volatile Organic Compounds (Including Carbonyl Compounds) Emitted	from Architectural Coatings Using Small-Scale Environmental Chambers Pages: 7 Replace: ASTM D6803-19 ASTM E3460-24 Standard Guide for Climate and Community Mapping Pages: 52 ASTM C204-25 Standard Test Methods for Fineness of Hydraulic Cement by Air-Permeability Apparatus Pages: 9 Replace: ASTM C204-24 ASTM E3417-25 Standard Test Method for Determination of Cellulose/Hemicellulose-Derived Glucan and Galactan Content in Solid Corn and Corn-Sorghum Blended Biomass Samples Pages: 8 Replace: ASTM E3417-24a ASTM C188-25 Standard Test Method for Density of Hydraulic Cement Pages: 3 Replace: ASTM C188-17(2023) ASTM B749-25 Standard Specification for Lead and Lead Alloy Strip, Sheet, and Plate Products Pages: 4 Replace: ASTM B749-20 ASTM D5182-25 Standard Test Method for Evaluating the Scuffing Load Capacity of Oils (FZG Visual Method) Pages: 7 Replace: ASTM D5182-19
---	---	---

<p>ASTM C430-25 Standard Test Method for Fineness of Hydraulic Cement by the 45-μm (No. 325) Sieve Pages: 3 Replace: ASTM C430-24</p>	<p>Standard Practices for Apparatus, Reagents, and Safety Considerations for Chemical Analysis of Metals, Ores, and Related Materials Pages: 13 Replace: ASTM E50-24</p>	<p>Replace: ASTM C1567-23 ASTM C740/C740M-13(2025) Standard Guide for Evacuated Reflective Insulation In Cryogenic Service Pages: 19 Replace: ASTM C740/C740M-13(2019)</p>
<p>ASTM E1097-25 Standard Guide for Determination of Various Elements by Direct Current Plasma Atomic Emission Spectrometry Pages: 8 Replace: ASTM E1097-12(2017)</p>	<p>ASTM F2291-25 Standard Practice for Design of Amusement Rides and Devices Pages: 70 Replace: ASTM F2291-24</p>	<p>ASTM C1864-17(2025) Standard Test Method for Determination of Solar Reflectance of Directionally Reflective Material Using Portable Solar Reflectometer Pages: 6 Replace: ASTM C1864-17(2022)</p>
<p>ASTM C1086-20(2025) Standard Specification for Glass Fiber Mechanically Bonded Felt Thermal Insulation Pages: 4 Replace: ASTM C1086-20</p>	<p>ASTM B1025-25 Standard Specification for Electrodeposited Nanostructured Zinc-Nickel Coatings Pages: 11 Replace: ASTM B1025-24</p>	<p>ASTM F2060-00(2025) Standard Guide for Maintaining Cool Season Turfgrasses on Athletic Fields Pages: 4 Replace: ASTM F2060-00(2018)</p>
<p>ASTM D346-25 Standard Practice for Collection and Preparation of Coke Samples for Laboratory Analysis Pages: 4 Replace: ASTM D346/D346M-11(2019)e1</p>	<p>ASTM B1032/B1032M-25 Standard Guide for Melting Copper Granules (Choppings) to Cast a Test Block for Chemical Analysis and Copper Content Determination Pages: 2</p>	<p>ASTM E2798-25 Standard Test Method for Characterization of Performance of Pesticide Spray Drift Reduction Adjuvants for Ground Application Pages: 6 Replace: ASTM E2798-19</p>
<p>ASTM C1289-25 Standard Specification for Faced Rigid Cellular Polyisocyanurate Thermal Insulation Board Pages: 9 Replace: ASTM C1289-23a</p>	<p>ASTM D7579-25 Standard Test Method for Pyrolysis Solids Content in Pyrolysis Liquids by Filtration of Solids in Methanol Pages: 4 Replace: ASTM D7579-09(2019)</p>	<p>ASTM E3136-25 Standard Guide for Climate Resiliency in Water Resources Pages: 12 Replace: ASTM E3136-18</p>
<p>ASTM A249/A249M-24ae1 Standard Specification for Welded Austenitic Steel Boiler, Superheater, Heat-Exchanger, and Condenser Tubes Pages: 11 Replace: ASTM A249/A249M-24a</p>	<p>ASTM C1567-25 Standard Test Method for Determining the Potential Alkali-Silica Reactivity of Combinations of Cementitious Materials and Aggregate (Accelerated Mortar-Bar Method) Pages: 6</p>	<p>ASTM C1639-19(2025) Standard Specification for Fabrication Of Cellular Glass Pipe And Tubing Insulation Pages: 4 Replace: ASTM C1639-19</p>
<p>ASTM E50-25</p>		

ASTM C803/C803M-25

Standard Test Method for Penetration Resistance of Hardened Concrete

Pages: 5

Replace:

ASTM C803/C803M-23

ASTM C1077-25

Standard Practice for Agencies Testing Concrete and Concrete Aggregates for Use in Construction and Criteria for Testing Agency Evaluation

Pages: 9

Replace: ASTM C1077-24

ASTM C930-19(2025)

Standard Classification of Potential Health and Safety Concerns Associated With Thermal Insulation Materials and Accessories

Pages: 5

Replace: ASTM C930-19

ASTM C1766/C1766M-25

Standard Specification for Factory-Laminated Gypsum Panel Products

Pages: 2

Replace: ASTM C1766-15(2019)

ASTM B719-25

Standard Specification for Nickel-Chromium-Molybdenum-Cobalt-Tungsten-Iron-Silicon Alloy Bar

Pages: 5

Replace: ASTM B719-20

ASTM B723-25

Standard Specification for Nickel-Chromium-Molybdenum-Cobalt-Tungsten-Iron-Silicon Alloy Welded Pipe

Pages: 3

Replace: ASTM B723-20

ASTM C1244/C1244M-20(2025)

Standard Test Method for Concrete Sewer Manholes by the Negative Air Pressure (Vacuum) Test Prior to Backfill

Pages: 4

Replace: ASTM C1244/C1244M-20

ASTM A568/A568M-25

Standard Specification for Steel, Sheet, Carbon, Structural, and High-Strength Low-Alloy, Hot-Rolled and Cold-Rolled, General Requirements for

Pages: 30

ASTM D6922-13(2025)

Standard Test Method for Determination of Homogeneity and Miscibility in Automotive Engine Oils

Pages: 4

Replace: ASTM D6922-13(2018)

ASTM C923/C923M-20(2025)

Standard Specification for Resilient Connectors Between Reinforced Concrete Manhole Structures, Pipes, and Laterals

Pages: 4

Replace:

ASTM C923/C923M-20

ASTM C1478/C1478M-20(2025)

Standard Specification for Storm Drain Resilient Connectors Between Reinforced Concrete Storm Sewer Structures, Pipes, and Laterals

Pages: 3

Replace:

ASTM C1478/C1478M-20

ASTM C764-25

Standard Specification for Mineral Fiber Loose-Fill Thermal Insulation

Pages: 5

Replace: ASTM C764-19

ASTM F2250-13(2025)

Standard Practice for Evaluation of Chemical Resistance of Printed Inks and Coatings on Flexible Packaging Materials

Pages: 3

Replace: ASTM F2250-13(2018)

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

JIS A 0203:2025

Concrete terminology

Pages: 24

JIS B 8615-1:2025

Non-ducted air conditioners and heat pumps-Testing and rating for performance

Pages: 84

JIS C 3005:2025

Test methods for rubber or plastic insulated wires and cables

Pages: 40

JIS C 8283-1:2025

Appliance couplers for household and similar general purposes-Part 1: General requirements

Pages: 72

JIS C 8285:2025

Plugs, fixed or portable socket-outlets and appliance inlets for industrial purposes

Pages: 90

JIS C 8462-21:2025

Boxes and enclosures for electrical accessories for

household and similar fixed electrical installations-Part 21: Particular requirements for boxes and enclosures with provision for suspension means Pages: 12 JIS C 8462-22:2025 Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations-Part 22: Particular requirements for connecting boxes and enclosures Pages: 18 JIS G 0417:2025 Steel and iron-Sampling and preparation of samples for the determination of chemical composition Pages: 58 JIS G 0557:2025 Methods of measuring case depth hardened by carburizing treatment for steel Pages: 20 JIS G 0559:2025 Steel-Determination of surface hardening depth after flame hardening or induction hardening Pages: 14 JIS G 1219:2025 Iron and steel-Determination of copper-Spectrophotometric methods Pages: 20 JIS G 1221-1:2025 Iron and steel-Determination of vanadium-Part 1: Ammonium iron(II) sulfate titrimetric methods after potassium permanganate oxidation	Pages: 24 JIS G 1221-2:2025 Iron and steel-Determination of vanadium-Part 2: Spectrophotometric methods after extraction of N-benzoyl-N-phenylhydroxylamine complex Pages: 26 JIS G 3112:2025 Steel bars for concrete reinforcement Pages: 22 JIS G 3113:2025 Hot-rolled steel plates, sheet and strip for automobile structural uses Pages: 14 JIS G 3116:2025 Steel sheet, plates and strip for gas cylinders Pages: 14 JIS G 3132:2025 Hot-rolled carbon steel strip for pipes and tubes Pages: 12 JIS G 3134:2025 Hot-rolled high strength steel plates, sheet and strip with improved formability for automobile uses Pages: 12 JIS G 3135:2025 Cold-reduced high strength steel sheet and strip with improved formability for automobile uses Pages: 18 JIS G 3193:2025 Dimensions, shape, mass and permissible variations of hot rolled steel plates, sheets and strips Pages: 20	JIS G 3441:2025 Alloy steel tubes for machine purposes Pages: 14 JIS G 3444:2025 Carbon steel tubes for general structure Pages: 22 JIS G 3445:2025 Carbon steel tubes for machine structure Pages: 18 JIS G 3466:2025 Carbon steel square and rectangular tubes for general structure Pages: 20 JIS G 4805:2025 High carbon chromium bearing steels Pages: 20 JIS Q 14001:2015/ AMENDMENT 1:2025 Environmental management systems-Requirements with guidance for use (Amendment 1) Pages: 4 JIS Q 17043:2025 Conformity assessment-General requirements for the competence of proficiency testing providers Pages: 46 ❖ <u>TIÊU CHUẨN DIN</u> DIN EN 71-16 Safety of toys - Part 16: Certain chlorinated phosphorus flame retardants (TCEP, TCPP, TDCCP) in toy materials; German version EN 71-16:2025
--	--	--

<p>DIN EN 71-17 Safety of toys - Part 17: Certain isothiazolinones (MIT, CIT, BIT) in aqueous toy materials; German version EN 71-17:2025</p>	<p>extraction ducts; German version EN 1366-8:2024</p>	<p>German version EN 1993-1-13:2024</p>
<p>DIN EN 901 Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Sodium hypochlorite; German version EN 901:2024</p>	<p>DIN EN 1366-9 Fire resistance tests for service installations - Part 9: Single compartment smoke extraction ducts; German version EN 1366-9:2024</p>	<p>DIN EN 2252 Aerospace series - Steel 15CrMoV6 (1.7334) - Forgings - $D_e \leq 100 \text{ mm}$ - $1\ 080 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1\ 250 \text{ MPa}$; German and English version EN 2252:2024</p>
<p>DIN EN 1254-3 Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 3: Compression fittings for use with plastics and multilayer pipes; German version EN 1254-3:2021+A1:2025</p>	<p>DIN EN 1885 Feather and down - Terms and definitions; German version EN 1885:2018+A1:2025</p>	<p>DIN EN 3480 Aerospace series - Steel X6CrNiTi18-10 (1.4541) - Air melted - Softened - Plates - $6 \text{ mm} < a \leq 50 \text{ mm}$ - $500 \text{ MPa} \leq R_m \leq 700 \text{ MPa}$; German and English version EN 3480:2024</p>
<p>DIN EN 1254-6 Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 6: Push-fit fittings for use with metallic tubes, plastics and multilayer pipes; German version EN 1254-6:2021+A1:2025</p>	<p>DIN EN 1953 Application equipment for coating materials - Safety requirements; German version EN 1953:2025</p>	<p>DIN EN 3523 Aerospace series - Steel 15CrMoV6 (1.7334) - Air melted - Hardened and tempered - Bars for machining - $D_e \leq 100 \text{ mm}$ - $1\ 080 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1\ 280 \text{ MPa}$; German and English version EN 3523:2024</p>
<p>DIN EN 1254-8 Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 8: Press fittings for use with plastics and multilayer pipes; German version EN 1254-8:2021+A1:2025</p>	<p>DIN EN 1993-1-1 Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-1: General rules and rules for buildings; German version EN 1993-1-1:2022</p>	<p>DIN EN 4165-005 Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature $175 \text{ }^\circ\text{C}$ continuous - Part 005: Stackable mounting receptacle 2 and 4 modules, series 3 - Product standard; German and English version EN 4165-005:2024</p>
<p>DIN EN 1254-20 Copper and copper alloys - Plumbing fittings - Part 20: Definitions, thread dimensions, test methods, reference data and supporting information; German version EN 1254-20:2021+A1:2025</p>	<p>DIN EN 1993-1-3 Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-3: Cold-formed members and sheeting; German version EN 1993-1-3:2024</p>	<p>DIN EN 4165-006 Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature $175 \text{ }^\circ\text{C}$ continuous - Part 006: Plug for 2 and 4 modules, series 2 - Product standard; German and English version EN 4165-006:2024</p>
<p>DIN EN 1366-8 Fire resistance tests for service installations - Part 8: Smoke</p>	<p>DIN EN 1993-1-5 Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-5: Plated structural elements; German version EN 1993-1-5:2024</p>	
	<p>DIN EN 1993-1-8 Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-8: Joints; German version EN 1993-1-8:2024</p>	
	<p>DIN EN 1993-1-13 Eurocode 3 - Design of steel structures - Part 1-13: Beams with large web openings;</p>	

DIN EN 4165-007

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 007: Plug for 2 and 4 modules, series 3 - Product standard; German and English version EN 4165-007:2024

DIN EN 4165-008

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 008: Rack and panel plug for 2 and 4 modules, series 2 - Product standard; German and English version EN 4165-008:2024

DIN EN 4165-010

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 010: Rack and panel rear mounted plug for 2 and 4 modules, series 2 - Product standard; German and English version EN 4165-010:2024

DIN EN 4165-011

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 011: Flange mounting receptacle 2 and 4 modules, series 2 - Product standard; German and English version EN 4165-011:2024

DIN EN 4165-013

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 013: Cable clamp 2 and 4 modules for connectors, series 2 and series 3 - Product standard; German and English version EN 4165-013:2024

DIN EN 4165-016

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 016: Double oval chimney for accessory (1 per 2 modules) - Product standard; German and English version EN 4165-016:2024

DIN EN 4165-017

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 017: Blank chimney for accessory (1 per module cavity) - Product standard; German and English version EN 4165-017:2024

DIN EN 4165-026

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 026: Accessories for single module connector - Product standard; German and English version EN 4165-026:2024

DIN EN 10379

Steel sheet piles - Test methods; German version EN 10379:2025

DIN EN 12520

Furniture - Safety, strength and durability - Requirements for domestic seating; German version EN 12520:2024

DIN EN 12583

Gas Infrastructure - Compressor stations - Functional requirements; German version EN 12583:2022+A1:2024

DIN EN 12621

Machinery for supply and circulation of liquid coating materials - Safety requirements; German version EN 12621:2025

DIN EN 12941

Respiratory protective devices - Powered filtering devices incorporating a loose fitting respiratory interface - Requirements, testing, marking; German version EN 12941:2023

DIN EN 12942

Respiratory protective devices - Powered filtering devices incorporating full face masks, half masks or quarter masks - Requirements, testing, marking; German version EN 12942:2023

DIN EN 12953-3 Berichtigung 1

Shell boilers - Part 3: Design and calculation for pressure parts; German version EN 12953-3:2016/AC:2024

DIN EN 13084-1

Free-standing chimneys - Part 1: General requirements; German version EN 13084-1:2025

DIN EN 13160-7

Leak detection systems - Part 7: Requirements and

test/assessment methods for interstitial spaces, leak detection linings and leak detection jackets; German version EN 13160-7:2016+A1:2024 DIN EN 13828 Building valves - Manually operated copper alloy and stainless steel ball valves for potable water supply in buildings - Tests and requirements; German version EN 13828:2025 DIN EN 14373 Explosion suppression systems; German version EN 14373:2021+A1:2025 DIN EN 14501 Blinds and shutters - Thermal and visual comfort - Performance characteristics and classification; German version EN 14501:2021+A1:2025 DIN EN 15269-2 Extended application of test results for fire resistance and/or smoke control for door, shutter and openable window assemblies, including their elements of building hardware - Part 2: Fire resistance of hinged and pivoted steel doorsets; German version EN 15269-2:2024 DIN EN 15502-2-2 Gas-fired central heating boilers - Part 2-2: Specific standard for type B1 appliances; German version EN 15502-2-2:2024 DIN EN 16905-3	Gas-fired endothermic engine-driven heat pumps - Part 3: Test conditions; German version EN 16905-3:2024 DIN EN 17899 Water quality - Spectrophotometric determination of chlorophyll-a content by ethanol extraction for the routine monitoring of water quality; German version EN 17899:2024 DIN EN 17962 Valves and fittings for buildings and devices to prevent pollution by backflow of potable water - Polymer parts and housings under internal pressure and without external loads; German version EN 17962:2024 DIN EN 17997 Railway applications - Braking - Definition of ETCS brake curve parameters for Gamma trains; German version EN 17997:2025 DIN EN 18001 Curtain walling - Environmental product declarations - Product category rules for curtain walling; German version EN 18001:2024 DIN EN 45560 Method to achieve circular designs of products; German version EN 45560:2024 DIN EN ISO 3961 Animal and vegetable fats and oils - Determination of iodine value (ISO 3961:2024); German version EN ISO 3961:2025 DIN EN ISO 4892-1 Plastics - Methods of exposure to laboratory light sources -	Part 1: General guidance and requirements (ISO 4892-1:2024); German version EN ISO 4892-1:2024 DIN EN ISO 4892-3 Plastics - Methods of exposure to laboratory light sources - Part 3: Fluorescent UV lamps (ISO 4892-3:2024); German version EN ISO 4892-3:2024 DIN EN ISO 5649 Medical laboratories - Concepts and specifications for the design, development, implementation and use of laboratory-developed tests (ISO 5649:2024); German version EN ISO 5649:2024 DIN EN ISO 7533 Technical product documentation (TPD) - Identification of specifications in the technical product documentation (TPD) (ISO 7533:2024); German version EN ISO 7533:2024 DIN EN ISO 7944 Optics and photonics - Reference wavelengths (ISO 7944:2024); German version EN ISO 7944:2024 DIN EN ISO 9013 Thermal cutting - Classification of thermal cuts - Geometrical product specification and quality tolerances (ISO 9013:2017 + Amd 1:2024); German version EN ISO 9013:2017 + A1:2024 DIN EN ISO 10256-1 Protective equipment for use in ice hockey - Part 1: General requirements (ISO 10256-
---	--	---

1:2024); German version

EN ISO 10256-1:2024

DIN EN ISO 10256-2

Protective equipment for use in ice hockey - Part 2: Head protectors for skaters

(ISO 10256-2:2024); German version EN ISO 10256-2:2024

DIN EN ISO 10256-3

Protective equipment for use in ice hockey - Part 3: Face and eye protectors for skaters

(ISO 10256-3:2024); German version EN ISO 10256-3:2024

DIN EN ISO 10256-4

Protective equipment for use in ice hockey - Part 4: Head and face protectors for goalkeepers

(ISO 10256-4:2024); German version EN ISO 10256-4:2024

DIN EN ISO 11199-2

Assistive products for walking manipulated by both arms - Requirements and test

methods - Part 2: Rollators (ISO 11199-2:2021 + Amd 1:2024); German version EN ISO 11199-2:2021 + A1:2024

DIN EN ISO 11812

Small craft - Watertight or quick-draining recesses and cockpits (ISO 11812:2020 + Amd 1:2024); German version EN ISO 11812:2024 + A1:2024

DIN EN ISO 11908

Binders for paints and varnishes - Amino resins - General methods of test (ISO 11908:2025); German version EN ISO 11908:2025

DIN EN ISO 11979-2

Ophthalmic implants - Intraocular lenses - Part 2: Optical properties and test methods (ISO 11979-2:2024); German version EN ISO 11979-2:2024

DIN EN ISO 13297

Small craft - Electrical systems - Alternating and direct current installations (ISO 13297:2020 + Amd 1:2022); German version EN ISO 13297:2021 + A1:2022 + A11:2023

DIN EN ISO 13503-2

Oil and gas industries including lower carbon energy - Completion fluids and materials - Part 2: Measurement of properties of proppants used in hydraulic fracturing and gravel-packing operations (ISO 13503-2:2024); English version EN ISO 13503-2:2024

DIN EN ISO 13628-1

Oil and gas industries including low carbon energy - Design and operation of subsea production systems - Part 1: General requirements and recommendations (ISO 13628-1:2025); English version EN ISO 13628-1:2025

DIN EN ISO 13695

Optics and photonics - Lasers and laser-related equipment - Test methods for the spectral characteristics of lasers (ISO 13695:2024); German version EN ISO 13695:2024

DIN EN ISO 13947

Metallic powders - Test method for the determination of non-

metallic inclusions in metal powders using a powder-forged specimen (ISO 13947:2024); German version

EN ISO 13947:2024

DIN EN ISO 14544

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Mechanical properties of ceramic composites at high temperature - Determination of compressive properties (ISO 14544:2025); German version EN ISO 14544:2025

DIN EN ISO 14880-2

Optics and photonics - Microlens arrays - Part 2: Test methods for wavefront aberrations (ISO 14880-2:2024); German version EN ISO 14880-2:2024

DIN EN ISO 14880-3

Optics and photonics - Microlens arrays - Part 3: Test methods for optical properties other than wavefront aberrations (ISO 14880-3:2024); German version EN ISO 14880-3:2024

DIN EN ISO 14880-4

Optics and photonics - Microlens arrays - Part 4: Test methods for geometrical properties (ISO 14880-4:2024); German version EN ISO 14880-4:2024

DIN EN ISO 16140-7

Microbiology of the food chain - Method validation - Part 7: Protocol for the validation of identification methods of microorganisms (ISO 16140-

<p>7:2024); German version EN ISO 16140-7:2024 DIN EN ISO 16784-1</p>	<p>3-MCPD and glycidol (ISO 18363-2:2025); German version EN ISO 18363-2:2025 DIN EN ISO 18497-1</p>	<p>UL 8 Edition 7, 2025 Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers</p>
<p>Corrosion of metals and alloys - Corrosion and fouling in industrial cooling water systems - Part 1: Guidelines and requirements for conducting pilot-scale evaluation of corrosion and fouling control additives for open recirculating cooling water systems (ISO 16784-1:2024); German version EN ISO 16784-1:2024 DIN EN ISO 16784-2</p>	<p>Agricultural machinery and tractors - Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery - Part 1: Machine design principles and vocabulary (ISO 18497-1:2024); German version EN ISO 18497-1:2024 DIN EN ISO 18497-2</p>	<p>UL 13 Edition 4, 2025 Standard for Power-Limited Circuit Cables</p>
<p>Corrosion of metals and alloys - Corrosion and fouling in industrial cooling water systems - Part 2: Evaluation of the performance of cooling water treatment programmes using a pilot-scale test rig (ISO 16784-2:2024); German version EN ISO 16784-2:2024 DIN EN ISO 17234-1</p>	<p>Agricultural machinery and tractors - Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery - Part 2: Design principles for obstacle protection systems (ISO 18497-2:2024); German version EN ISO 18497-2:2024 DIN EN ISO 18497-3</p>	<p>UL 48 Edition 15, 2025 Standard for Electric Signs UL 50E Edition 3, 2025 Enclosures for Electrical Equipment, Environmental Considerations</p>
<p>Leather - Chemical tests for the determination of certain azo colourants in dyed leathers - Part 1: Determination of certain aromatic amines derived from azo colourants (ISO 17234- 1:2024); German version EN ISO 17234-1:2024 DIN EN ISO 18363-2</p>	<p>Agricultural machinery and tractors - Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery - Part 3: Autonomous operating zones (ISO 18497-3:2024); German version EN ISO 18497- 3:2024 DIN EN ISO 18497-4</p>	<p>UL 109 Edition 6, 2025 Standard for Tube Fittings for Flammable and Combustible Fluids, Refrigeration Service, and Marine Use</p>
<p>Animal and vegetable fats and oils - Determination of fatty- acid-bound chloropropanediols (MCPDs) and glycidol by GC/MS - Part 2: Method using slow alkaline transesterification and measurement for 2-MCPD, ❖ <u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u></p>	<p>Agricultural machinery and tractors - Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery - Part 4: Verification methods and validation principles (ISO 18497-4:2024); German version EN ISO 18497-4:2024</p>	<p>UL 154 Edition 9, 2025 Carbon-Dioxide Fire Extinguishers UL 199E Edition 2, 2025 Outline of Investigation for Fire Testing of Automatic Sprinklers and Nozzles for Protection of Deep Fat Fryers</p>
		<p>UL 203 Edition 11, 2025 Standard for Pipe Hanger Equipment for Fire Protection Service UL 231 Edition 10, 2025 Standard for Power Outlets</p>
		<p>UL 246A Edition 1, 2025 Outline of Investigation for Non- Threaded Connections for Fire Hydrants and Fire Department Connections UL 263 Edition 14, 2025 Standard for Fire Tests of Building Construction and Materials</p>
		<p>UL 299 Edition 12, 2025 Standard for Dry Chemical Fire Extinguishers</p>

UL 405 Edition 6, 2025 Standard for Fire Department Connection Devices	Tubing, Vulcanized Fibre, and Materials Used In Printed Wiring Boards	UL 1008S Edition 1, 2025 Standard for Solid-State Transfer Switches
UL 428A Edition 2, 2025 Electrically Operated Valves for Gasoline and Gasoline	UL 746F Edition 3, 2025 Polymeric Materials - Flexible Dielectric Film Materials for Use in Printed Wiring Boards and Flexible Materials Interconnect Constructions	UL 1053 Edition 7, 2025 Standard for Ground-Fault Sensing and Relaying Equipment
UL 428B Edition 2, 2025 Electrically Operated Valves for Diesel Fuel, Biodiesel Fuel, Diesel	UL 796 Edition 12, 2025 Printed Wiring Boards	UL 1248 Edition 3, 2025 Standard for Engine-Generator Assemblies for Use in Recreational Vehicles
UL 514D Edition 2, 2025 Cover Plates for Flush-Mounted Wiring Devices	UL 796F Edition 4, 2025 Flexible Materials Interconnect Constructions	UL 1277 Edition 6, 2025 Standard for Electrical Power and Control Tray Cables with Optional Optical-Fiber Members
UL 538 Edition 1, 2025 Standard for Single and Multiple Station Carbon Monoxide Alarms for Non-Residential Applications	UL 823 Edition 10, 2025 Standard for Electric Heaters For Use In Hazardous (Classified) Locations	UL 1283 Edition 7, 2025 Standard for Electromagnetic Interference Filters
UL 555 Edition 7, 2025 Standard for Fire Dampers	UL 858 Edition 16, 2025 Standard for Household Electric Ranges	UL 1340 Edition 3, 2025 Standard for Hoists
UL 555C Edition 4, 2025 Standard for Ceiling Dampers	UL 860 Edition 8, 2025 Standard for Pipe Unions for Flammable and Combustible Fluids and Fire-Protection Service	UL 1395 Edition 1, 2025 Transients Test Method
UL 555S Edition 5, 2025 Standard for Smoke Dampers	Standard for Electric Hobby and Sports Equipment	UL 1437 Edition 4, 2025 Standard for Electrical Analog Instruments - Panel Board Types
UL 626 Edition 8, 2025 Water Fire Extinguishers	UL 969A Edition 1, 2025 ANSI/CAN/UL Standard for Marking and Labeling Systems - Flag Labels, Flag Tags, Wrap-Around Labels and Related Products	UL 1447 Edition 6, 2025 Standard for Electric Lawn Mowers
UL 635 Edition 3, 2025 Standard for Insulating Bushings	UL 969A Edition 1, 2025 ANSI/CAN/UL Standard for Marking and Labeling Systems - Flag Labels, Flag Tags, Wrap-Around Labels and Related Products	UL 1450 Edition 4, 2025 Standard for Motor-Operated Air Compressors, Vacuum Pumps, and Painting Equipment
UL 644 Edition 10, 2025 Standard for Container Assemblies for LP-Gas	UL 987 Edition 8, 2025 Standard for Stationary and Fixed Electric Tools	UL 1478A Edition 1, 2025 Pressure Relief Valves for Sprinkler Systems
UL 651 Edition 8, 2025 Standard for Schedule 40 and 80 Rigid PVC Conduit and Fittings		UL 1479 Edition 4, 2025 Standard for Fire Tests of Penetration Firestops
UL 746C Edition 7, 2025 Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations		UL 1558 Edition 6, 2025 Standard for Metal-Enclosed Low-Voltage Power Circuit Breaker Switchgear
UL 746E Edition 7, 2025 Polymeric Materials - Industrial Laminates, Filament Wound		

UL 1647 Edition 6, 2025 Standard for Motor-Operated Massage and Exercise Machines	Standard for Tests for Fire Resistive Cables	Sustainability Requirements and Practices
UL 1696 Edition 4, 2025 Mechanical Protection Tubing (MPT) and Fittings	UL 2250 Edition 3, 2025 Standard for Instrumentation Tray Cable	UL 3703 Edition 1, 2025 Solar Trackers
UL 1709 Edition 6, 2025 Standard for Rapid Rise Fire Tests of Protection Materials for Structural Steel	UL 2443 Edition 5, 2025 Flexible Sprinkler Hose with Fittings for Fire Protection Service	UL 3730 Edition 1, 2025 Standard for Photovoltaic Junction Boxes
UL 1741 Edition 3, 2025 Standard for Inverters, Converters, Controllers and Interconnection System Equipment for Use With Distributed Energy Resources	UL 2684 Edition 1, 2025 Video and Thermal Image Detectors for Fire Alarm Systems	UL 4200A Edition 1, 2025 Standard for Safety for Products Incorporating Button Batteries or Coin Cell Batteries
UL 1741 Edition 3, 2025 Standard for Inverters, Converters, Controllers and Interconnection System Equipment for Use With Distributed Energy Resources	UL 2703 Edition 1, 2025 Standard for Mounting Systems, Mounting Devices, Clamping	UL 4248-9 Edition 1, 2025 Standard for Fuseholders - Part 9: Class K
UL 1741 Edition 3, 2025 Standard for Inverters, Converters, Controllers and Interconnection System Equipment for Use With Distributed Energy Resources	UL 2710 Edition 2, 2025 Outline of Investigation for Sustainability of Electronic and Electrical Products	UL 4248- 11 Edition 1, 2025 Fuseholders - Part 11: Type C (Edison Base) and Type S Plug Fuse
UL 1812 Edition 5, 2025 Ducted Heat Recovery Ventilators	UL 2735 Edition 1, 2025 Standard for Electric Utility Meters	UL 4248- 12 Edition 2, 2025 Standard for Fuseholders - Part 12: Class R
UL 1836 Edition 5, 2025 Outline of Investigation for Electric Motors and Generators for Use in Class I, Division 2, Class I, Zone 2, Class II, Division 2 and Zone 22 Hazardous (Classified) Locations	UL 3001 Edition 1, 2025 Distributed Energy Resource Systems	UL 4248- 15 Edition 1, 2025 Standard for Fuseholders - Part 15: Class T
UL 1971 Edition 3, 2025 Standard for Signaling Devices for the Deaf and Hard of Hearing	UL 3001 Edition 1, 2025 Distributed Energy Resource Systems	UL 9595 Edition 1, 2025 Factory Follow-Up on Personal Flotation Devices (PFDs)
UL 2079 Edition 5, 2025 Standard for Tests for Fire Resistance of Building Joint Systems	UL 3300 Edition 1, 2025 Service, Communication, Information, Education and Entertainment Robots - SCIEE Robots	UL 121203 Edition 2, 2025 Recommended Practice for Portable Electronic Products Suitable for Use in Class I and II, Division 2, Class I, Zone 2 and Class III, Division 2 and 2 Hazardous (Classified) Locations
UL 2129 Edition 3, 2025 Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers	UL 3601 Edition 1, 2025 Standard for Measuring and Reporting Circularity of Li-ion and Other Secondary Batteries	UL 12402- 9 Edition 1, 2025 Personal Flotation Devices - Part 9: Test Methods
UL 2196 Edition 2, 2025	UL 3602 Edition 1, 2025 Measuring and Reporting Circularity and End-of-Life Management for Electrification Products - General	UL 60079- 31 Edition 2, 2025 Standard for Explosive Atmospheres - Part 31: Equipment Dust Ignition Protection by Enclosure "t"

<p>UL 60335- 2-8 Edition 7, 2025 Standard for Household and Similar Electrical Appliances – Safety – Part 2-8: Particular Requirements for Shavers, Hair Clippers and Similar Appliances</p> <p>UL 60335- 2-34 Edition 7, 2025 Standard for Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-34: Particular requirements for motor-compressors</p> <p>UL 60335- 2-40 Edition 4, 2025 Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-40: Particular Requirements for Electrical Heat Pumps, Air-Conditioners and Dehumidifiers</p> <p>UL 60335- 2-52 Edition 1, 2025 Standard for Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-52: Particular requirements for oral hygiene appliances</p> <p>UL 60335- 2-53 Edition 1, 2025 Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-53: Particular Requirements for Sauna Heating Appliances and Infrared Cabins</p> <p>UL 60335- 2-89 Edition 2, 2025 Standard for Safety for Household and Similar Electrical Appliances – Safety – Part 2-89: Particular Requirements for Commercial Refrigerating Appliances and</p>	<p>Ice-Makers with an Incorporated or Remote Refrigerant Unit or Motor-Compressor</p> <p>UL 60384- 14 Edition 2, 2025 Safety Requirements for Fixed Capacitors for Use in Electronic Equipment - Part 14: Sectional Specification: Fixed Capacitors for Electromagnetic Interference Suppression and Connection to the Supply Mains</p> <p>UL 60745- 2-14 Edition 2, 2025 Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-14: Particular Requirements for Planers</p> <p>UL 60745- 2-17 Edition 3, 2025 Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-17: Particular Requirements for Routers and Trimmers</p> <p>UL 60745- 2-19 Edition 1, 2025 Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-19: Particular Requirements For Jointers</p> <p>UL 60745- 2-23 Edition 1, 2025 Hand-Held Motor-Operated electric Tools - Safety - Part 2-23: Particular Requirements for Die Grinders and Small Rotary Tools</p> <p>UL 61010- 2-030 Edition 2, 2025 Safety requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-030:</p>	<p>Particular Requirements for Equipment Having Testing or Measuring Circuits</p> <p>UL 61010- 2-040 Edition 3, 2025 Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-040: Particular Requirements for Sterilizers and Washer-Disinfectors Used to Treat Medical Materials</p> <p>UL 61058- 2-6 Edition 1, 2025 Switches for appliances - Part 2-6: Particular requirements for switches used in electric motoroperated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery</p> <p>UL 61730- 2 Edition 2, 2025 Photovoltaic (PV) Module Safety Qualification - Part 2: Requirements for Testing</p> <p>UL 62841- 4-1 Edition 1, 2025 Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 4-1: Particular Requirements For Chain Saws</p> <p>ULC 112 Edition 3, 2025 Standard Methods of Fire Test of Fire-Damper Assemblies</p> <p>ULC 112.1 Edition 2, 2025 Standard for Leakage Rated Dampers for Use in Smoke Control Systems</p> <p>ULC 139 Edition 3, 2025 Standard for Fire Test for Circuit Integrity of Fire-Resistive Power,</p>
---	--	---

Instrumentation, Control, and Data Cables ULC 306 Edition 3, 2025 Standard for Intrusion Detection Units ULC 338 Edition 2, 2025 Vehicle theft deterrent equipment and systems: Electronic immobilization system and aftermarket installation requirements ULC 503 Edition 4, 2025 Standard for Carbon-Dioxide Fire Extinguishers ULC 504 Edition 4, 2025 Standard for Dry Chemical Fire Extinguishers ULC 507 Edition 4, 2025 Standard for Water Fire Extinguishers	ULC 507 Edition 4, 2025 Standard for Water Fire Extinguishers ULC 538 Edition 1, 2025 Standard for Single and Multiple Station Carbon Monoxide Alarms for Non-Residential Applications ULC 554 Edition 3, 2025 Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers ULC 566 Edition 2, 2025 Standard for Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers ULC 770 Edition 5, 2025 Standard Test Method for Determination of Long-Term Thermal Resistance of Closed-Cell Thermal Insulating Foams ULC 1001 Edition 1, 2025	Standard for Integrated Systems Testing of Fire Protection and Life Safety Systems
---	---	--

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn